THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2012, BIC đã tăng trưởng lợi nhuận một cách ấn tượng, đạt 110,83 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2011. Điều này thể hiện hệ thống BIC đã đi đúng hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã đồng thuận, chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ là yếu tố quan trọng giúp BIC giữ vững phong độ trong một năm đầy sóng gió



Mr. Phạm Quang Tùng / Chủ tịch HĐQT

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn đối với BIC nói riêng và thị trường bảo hiểm nói chung. Những động từ mạnh chúng ta đã nghe quá nhiều trong năm 2012 như: suy thoái, khủng hoảng, phá sản, sáp nhập, nợ xấu, cơ cấu, tồn kho,… đã thể hiện rõ sự khó khăn tổng thể của hầu hết các lĩnh vực kinh doanh và cả nền kinh tế. Thị trường bảo hiểm năm qua có tốc độ tăng thấp nhất trong 12 năm gần đây.

Đối với BIC, năm 2012 quả là một năm nhiều sóng gió. Tôi biết rằng Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên đã rất cố gắng, quyết tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao. Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, BIC hoàn toàn có thể tự hào về những thành quả đã đạt được trong năm qua:

- Năm 2012, BIC đã tăng trưởng lợi nhuận một cách ấn tượng, đạt 110,83 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2011. Điều này thể hiện hệ thống BIC đã đi đúng hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã đồng thuận, chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ là yếu tố quan trọng giúp BIC giữ vững phong độ trong một năm đầy sóng gió.
- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng khá, đây là kết quả của nhiều nỗ lực mở rộng thị trường, khách hàng, kênh phân phối, đa dạng sản phẩm, dịch vụ, hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong năm qua.
- Tỷ lệ bồi thường 2012 đạt mức rất lý tưởng, chỉ có 38%, cho thấy hiệu quả công tác quản lý rủi ro, xử lý bồi thường, quản lý nghiệp vụ.
- Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp phải sa thải nhân viên, cắt giảm lương thưởng thì tại BIC vẫn đảm bảo việc làm và thu nhập của cán bộ ở cao hơn năm 2011.
- Tại hải ngoại, hai công ty con của BIC là Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) và Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI) có kết quả hoạt động tốt. Đặc biệt là LVI với tỷ suất sinh lời trên vốn đạt 16%.

Năm 2012, khủng hoảng tài chính, tiền tệ và sau đó là suy thoái kinh tế toàn cầu đã như một cơn bão quét qua, đã làm lộ ra những điểm yếu của các nền kinh tế, của các doanh nghiệp, và cũng làm lộ ra những giá trị cốt lõi, xương cốt của các doanh nghiệp phát triển bền vững. BIC cũng không phải ngoại lệ, các vấn đề như năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ,… đã và đang là những thử thách rất lớn mà BIC phải vượt qua trong năm 2012 cũng như năm 2013 sắp tới. Nhưng cũng cho thấy các giá trị cốt lõi, giúp BIC vượt qua "sóng gió", đó là: BIC có đội ngũ cán bộ trẻ và tràn đầy nhiệt huyết, có sự hậu thuẫn và ủng hộ quyết liệt của ngân hàng mẹ BIDV, có phương thức quản trị và mô hình quản lý tốt, định hướng và chiến lược kinh doanh rõ ràng, nhất quán.

2013, một năm còn nhiều sóng gió theo nhận định của các chuyên gia. Cá nhân tôi lại cho rằng đây sẽ là một năm có nhiều cơ hội lớn đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung và BIC nói riêng. Thị trường bảo hiểm đang tự cơ cấu lại, phân hóa thành từng nhóm khác nhau và sẽ có sự chọn lọc tự nhiên. Việc thị trường cơ cấu lại sẽ là cơ hội vươn lên cho các công ty bảo hiểm chuyên nghiệp. Và dù còn nhiều vấn đề nhưng thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn nhiều tiềm năng tăng trưởng, phát triển khi có dân số lớn, tầng lớp trung lưu có khả năng đóng phí và cần sự an toàn đang tăng lên – đây chính là cơ hội vàng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và BIC.

Tôi tin BIC sẽ biến thử thách thành cơ hội và sẽ về đích an toàn với lợi nhuận tăng tối thiểu 10% so 2012. Chúc con tàu BIC sẽ luôn vững vàng trước sóng lớn và cập bến an toàn. Chúc các Quý vị ngày càng phát triển và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM QUANG TÙNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Song song với chiến lược bán lẻ, công tác xây dựng và quảng bá phát triển thương hiệu BIC cũng đã có những bước tiến quan trọng. Thương hiệu BIC gắn với các thông điệp xã hội, an toàn giao thông… trở nên quen thuộc với một bộ phận người dân và tạo thiện cảm cho công chúng.



***Mr. Tôn Lâm Tùng** / Tổng Giám đốc*

Kính thưa Quý vị,

Có thể nói, những mục tiêu kinh doanh đặt ra đầu năm 2012 đã trở nên vô cùng thách thức đối với BIC trong điều kiện nền kinh tế diễn biến xấu hơn nhiều so với các dự báo trước đó. Nhưng vượt qua nhiều thử thách và biến động khó lường, toàn thể Ban Điều hành và gần 600 cán bộ nhân viên BIC đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

Cụ thể, về các chỉ tiêu kinh doanh: Doanh thu phí bảo hiểm đạt 754,259 tỷ đồng, tăng trưởng 9,4% so với năm 2011. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 110,838 tỷ đồng, tăng trưởng 10,3%. Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng trưởng 23,8%, đạt 48,6% vốn chủ sở hữu. Năm 2012, BIC là một trong các công ty bảo hiểm phi nhân thọ có tỷ suất sinh lời cao nhất trên thị trường.

Về chiến lược kinh doanh, lường đón sự giảm sút mạnh doanh thu từ nghiệp vụ tài sản kỹ thuật truyền thống, năm 2012 BIC đã tập trung đẩy mạnh hoạt động bán lẻ. Đây là năm chứng kiến sự bùng bổ của nhiều sản phẩm bảo hiểm cá nhân mới như bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cá nhân BIC Healthcare, bảo hiểm vật chất xe máy, bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân... và sự bứt phá ngoạn mục của các kênh Bancassurance và Bảo hiểm trực tuyến. Bên cạnh đó, kênh đại lý chuyên nghiệp đã bắt đầu mang lại quả ngọt sau giai đoạn tập trung đầu tư trước đó.

Song song với chiến lược bán lẻ, công tác xây dựng và quảng bá phát triển thương hiệu BIC cũng đã có những bước tiến quan trọng. Thương hiệu BIC gắn với các thông điệp xã hội, an toàn giao thông… trở nên quen thuộc với một bộ phận người dân và tạo thiện cảm cho công chúng.

Để tạo động lực phát triển bền vững, công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp cũng đã được BIC chú trọng. Những hoạt động nội bộ thông qua các diễn đàn giao lưu nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm, các hoạt động phong trào thể thao, văn nghệ… đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu đối với cán bộ BIC, giúp họ thêm gắn kết và yêu thương đại gia đình BIC.

Về phát triển nguồn nhân lực, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, song song với công tác sàng lọc, đào tạo, năm 2012 là năm đầu tiên BIC áp dụng quy trình mới trong công tác đánh giá bổ nhiệm cán bộ quản lý. Theo đó, các cán bộ được tạo điều kiện tối đa, được cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh trước các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp. Cũng trong năm này, BIC bắt đầu thực hiện dự án xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc của cán bộ thông qua phương pháp thẻ điểm cân bằng (BSC) và bộ chỉ số KPIs.

Bước sang năm 2013, với những dự báo không nhiều tích cực của kinh tế vĩ mô, dự đoán tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ khoảng 10-12%, tiếp tục là giai đoạn thử thách, sàng lọc khốc liệt đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung, trong đó có BIC.

Trong bối cảnh đó, BIC chủ trương tiếp tục củng cố, phát triển theo hướng an toàn và bền vững, đảm bảo tỷ suất sinh lời. BIC sẽ tập trung cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ và uy tín thương hiệu thông qua việc đa dạng các kênh phân phối, sản phẩm và nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, xử lý bồi thường.

Với những thành quả đã đạt được trong năm 2012, tôi tin rằng tập thể BIC sẽ tiếp tục nỗ lực hoàn thành các mục tiêu kinh doanh tham vọng trong năm 2013. Tôi mong rằng các Quý vị sẽ luôn ủng hộ và sát cánh cùng BIC trong năm 2013 và các năm tới.

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC

TÔN LÂM TÙNG

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BIC

Tên đầy đủ và chính thức
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Biểu tượng Logo BIC

Tên giao dịch bằng tiếng Việt Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

Mã cổ phiếu (HNX) BIC

Vốn điều lệ 660.000.000.000 VNĐ

TẦM NHÌN

Trở thành 1 trong 5 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có tỷ suất sinh lời cao nhất thị trường;
Xây dựng BIC trở thành thương hiệu bảo hiểm uy tín; là hoạt động trụ cột chính trong tập đoàn tài chính BIDV.

SỨ MỆNH

Cung cấp giải pháp toàn diện để quản lý rủi ro tài chính cho khách hàng; đảm bảo quyền lợi, lợi ích của cán bộ và các cổ đông.

Trụ sở chính:
Tầng 16, tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 22200282
Fax : (84-4) 22200281
Hotline : 1800 9456
Email : bic@bidv.com.vn
Website : www.bic.vn
www.baohiemtructuyen.com.vn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập Tập đoàn tài chính mang thương hiệu BIDV thông qua việc BIDV mua lại phần vốn góp của Tập đoàn Bảo hiểm Quốc tế QBE (Australia) trong Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc (là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam từ năm 1999) và chính thức đi vào hoạt động với tên gọi mới (BIC) kể từ ngày 01/01/2006.

Kế thừa kinh nghiệm về hoạt động bảo hiểm sau 6 năm của liên doanh và kinh nghiệm hoạt động trên thị trường tài chính hơn 50 năm qua của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam, sau khi đi vào hoạt động, BIC tiếp tục thực hiện chiến lược cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ được thiết kế phù hợp trong tổng thể các sản phẩm dịch vụ tài chính trọn gói của BIDV tới khách hàng.

Theo thống kê của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, hiện nay BIC là 1 trong 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu về thị phần bảo hiểm gốc và là một trong những công ty bảo hiểm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trên thị trường. BIC là công ty đi đầu thị trường về phát triển kênh bán hàng hiện đại: Bancassurance, mua/bán bảo hiểm trực tuyến (E-business). BIC cũng là công ty bảo hiểm đầu tiên có mạng lưới hoạt động phủ kín tại thị trường Đông Dương.

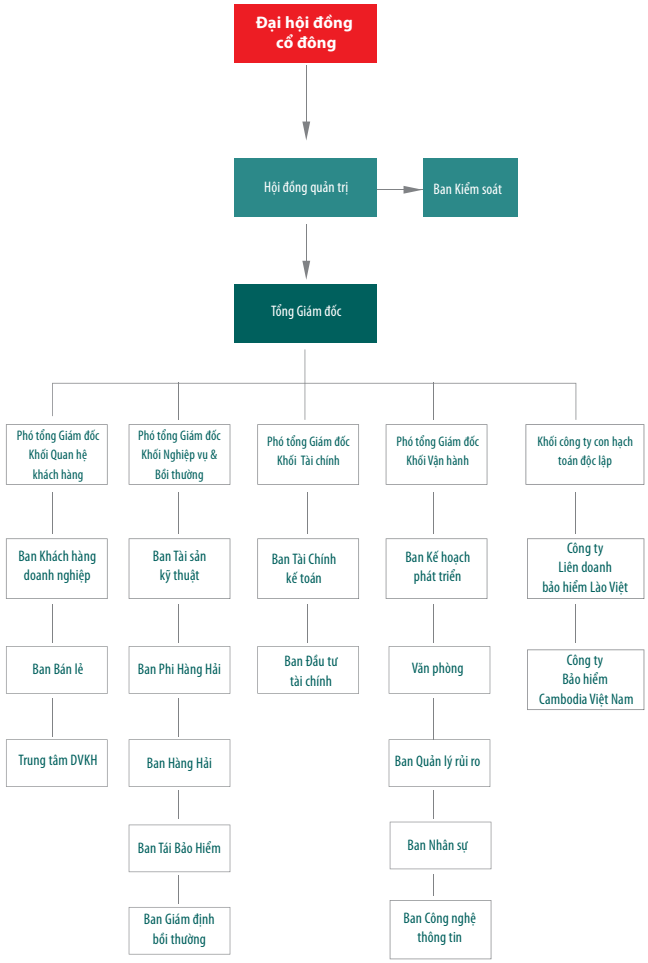
Từ ngày 01/10/2010, BIC chính thức chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 660 tỷ đồng. Hiện nay, BIC có gần 600 cán bộ nhân viên, phục vụ khách hàng tại 21 Công ty thành viên, 94 Phòng kinh doanh và gần 1.000 đại lý bảo hiểm trên toàn quốc. Định hướng phát triển của BIC là sẽ trở thành 1 trong 5 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có hiệu quả hoạt động cao và được ưa thích nhất Việt Nam, duy trì vị trí 1 trong 2 trụ cột chính của hệ thống BIDV.

Hiện cổ phiếu của BIC được giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là BIC.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NĂM	THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN
7/1999	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cùng Công ty Bảo hiểm Quốc tế QBE (Úc) hợp tác thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc (BIDV-QBE)
1/2006	BIDV chính thức mua lại phần vốn góp của QBE trong Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc và đổi tên Liên doanh thành Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)
6/2008	Với chiến lược mở rộng hoạt động sang thị trường các nước Đông Dương, BIC hợp tác với Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) và Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI). LVI đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 6/2008
9/2009	Với việc được giao quản lý toàn diện hoạt động Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI), BIC trở thành công ty bảo hiểm đầu tiên có mạng lưới hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên cả 3 nước Đông Dương (Việt Nam - Lào - Campuchia)
10/2010	Ngày 01/10/2010, BIC chính thức chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 660 tỷ đồng.
2/2011	Ngày 6/9/2011, cổ phiếu BIC chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán BIC.
3/2013	BIC thực hiện nhận chuyển nhượng vốn từ Ngân hàng Liên doanh Lào Việt tại LVI và nhận chuyển nhượng vốn từ Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) tại CVI để nắm giữ 65% cổ phần tại cả 02 Liên doanh LVI và CVI.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



LĨNH VỰC KINH DOANH

Kinh doanh bảo hiểm gốc

Kinh doanh tái bảo hiểm

Đầu tư tài chính

Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật: giám định, tư vấn quản lý rủi ro, kinh doanh bất động sản, cho vay...

DANH SÁCH CÔNG TY CON

Đơn vị: USD

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ	BIC	
			Mức vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI)	3.000.000	1.530.000	51%
	Tổng cộng	3.000.000	1.530.000	51% *(*)*



(*) Từ tháng 3/2013, BIC chính thức nhận chuyển nhượng vốn góp từ Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) tại LVI để nâng tỷ lệ nắm giữ vốn lên 65%. Đồng thời, BIC nhận chuyển nhượng vốn từ Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) tại CVI để chính thức nắm giữ 65% cổ phần tại CVI.

BỘ MÁY QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Quang Tùng */ Chủ tịch*

Từ 2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP BIDV, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV
2010 - 2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV
2006 - 2010: Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV



Ông Trần Xuân Hoàng */ Phó Chủ tịch*

2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng BIDV, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Công đoàn BIDV (BUC), Ủy viên HĐQT Công ty Cho thuê Tài chính BIDV (BLC).
2009 - 2011: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
2006 - 2008: Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch II - BIDV
1996 - 2006: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai
đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
2006 - 2008: Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch II - BIDV
1996 - 2006: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai



Ông Trịnh Minh Tâm (Ủy viên)

2012 - Hiện nay: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Tây
2008 - 2011: Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro Tín dụng BIDV, Ủy viên HĐQT Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB).
2003 - 2008: Phó Giám đốc chi nhánh BIDV Bắc Hà Nội, Phó Giám đốc Ban Tín dụng, Phó Giám đốc và Phó Giám đốc Phụ trách Ban Quản lý Rủi ro Tín dụng BIDV



Ông Đặng Quang Vinh (Ủy viên)

2008 - nay: Giám đốc Ban Tài chính BIDV.
2002 - 2007: Kế toán trưởng Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB), Phó Chánh Văn phòng Hội sở chính BIDV, Giám đốc Ban Tài chính BIDV.



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân (Ủy viên)

2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV; Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE); Chủ tịch HĐQT Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI).
2006 - 2010: Phó Giám đốc phụ trách tài chính kế toán Công ty Bảo hiểm BIDV.
2002 - 2006: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc, Phó Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV

BAN KIỂM SOÁT



Ông Cao Cự Trí / Trưởng Ban

2009 - nay: Phó Trưởng Ban Kiểm soát BIDV.
2002 - 2009: Phó Giám đốc Sở Giao dịch III, Phó Trưởng Ban Kiểm soát BIDV.
1997 - 2002: công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Ông Nguyễn Trung Kiên / Thành viên

2011 - nay: Phó Giám đốc Ban Kế toán BIDV.
1999 - 2010: Công tác tại Ban Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán, Ban Quản lý và Triển khai mở rộng dự án SIBS, Ban Kế toán, Chi nhánh BIDV Quang Trung.



Ông Nguyễn Thành Công / Thành viên

Hiện nay: Phó Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Tôn Lâm Tùng / Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Ông Tôn Lâm Tùng đã từng công tác lâu năm trong hệ thống Ngân hàng BIDV.
Tại BIC, ông Tùng đã từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh khu vực Hà Nội, Trưởng phòng Đầu tư.
Ông Tùng được bổ nhiệm giữ chức vụ *Phó Giám đốc BIC từ ngày 01/10/2008* và *Phó Tổng Giám đốc BIC từ ngày 01/10/2010.*
Từ ngày 1/3/2011, ông Tùng được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc thứ Nhất BIC.
Từ ngày 28/4/2011, ông Tôn Lâm Tùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc BIC



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân / Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Khối Tài chính

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân đã có nhiều năm công tác trong ngành tài chính, kế toán và đã giữ nhiều vị trí quan trọng trong hệ thống BIDV như: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc (BIDV - QBE), Phó Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV, Phó Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán Công ty Bảo hiểm BIDV.
Bà Vân được bổ nhiệm giữ chức vụ *Phó Giám đốc BIC từ tháng 5/2006* và *Phó Tổng Giám đốc BIC từ tháng 10/2010*



Ông Vũ Minh Hải / Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Khối Quan hệ khách hàng

Ông Vũ Minh Hải đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực bảo hiểm. Ông Hải gia nhập hệ thống BIC từ năm 2007. Từ năm 2009 đến năm 2012, Ông Hải được biệt phái, đảm nhận cương vị *Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI).*
Kể từ ngày *16/4/2012*, Ông Vũ Minh Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ *Phó Tổng Giám đốc BIC.*



Ông Trần Trung Tính / Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Khối Nghiệp vụ và Bồi thường

Ông Trần Trung Tính đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm. Trước khi công tác tại BIC, ông Tính là Phó Giám đốc Công ty bảo hiểm Bảo Minh Hà Nội.
Ông Tính gia nhập BIC từ năm *2007* và giữ chức vụ *Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh BIC.* Ông Tính được bổ nhiệm giữ chức vụ *Phó Giám đốc BIC* từ ngày *01/10/2008* và *Phó Tổng Giám đốc BIC từ ngày 01/10/2010.*



Bà Đoàn Thị Thu Huyền / Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Khối vận hành

Bà Đoàn Thị Thu Huyền đã có nhiều năm công tác trong hệ thống BIDV và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong lĩnh vực tổ chức nhân sự. Trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc BIC, bà Huyền giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Tổ chức Cán bộ BIDV.
Kể từ ngày *1/5/2012*, bà Đoàn Thị Thu Huyền được bổ nhiệm giữ chức vụ *Phó Tổng Giám đốc BIC.*



Ông Trần Hoài An / Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Phát triển khách hàng khu vực phía Nam

Ông Trần Hoài An đã từng công tác lâu năm trong ngành Hải quan. Ông An gia nhập hệ thống BIC từ năm 2009 và đã từng điều hành xuất sắc các Công ty Bảo hiểm BIDV Bình Định và Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh.
Kể từ ngày *1/4/2013*, ông An được bổ nhiệm giữ chức vụ *Phó Tổng Giám đốc BIC*, phụ trách phát triển khách hàng khu vực phía Nam, *kiêm nhiệm Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh*

KẾT QUẢ KINH DOANH 2012



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ



Năm 2012 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng khoảng kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) cũng bị ảnh hưởng do khách hàng hạn chế nhu cầu mua bảo hiểm. Thị trường chứng khoán, bất động sản ảm đạm làm giảm cơ hội đầu tư sinh lời của chính DNBH.

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng khoảng kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) cũng bị ảnh hưởng do khách hàng hạn chế nhu cầu mua bảo hiểm. Thị trường chứng khoán, bất động sản ảm đạm làm giảm cơ hội đầu tư sinh lời của chính DNBH.

Để đương đầu với khó khăn kinh tế, xu hướng chung của hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm đều lựa chọn định hướng phát triển *"bền vững, ổn định"*, trong đó, cơ cấu doanh thu được điều chỉnh ưu tiên cho những sản phẩm thế mạnh, mang lại hiệu quả cao. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đẩy mạnh khai thác các sản phẩm bảo hiểm tài sản cá nhân, bảo hiểm sức khỏe, y tế, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp.... đã được chú trọng hơn.

Năm 2012, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu phát triển thị trường cũng như cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm. Những văn bản quan trọng được ban hành trong năm 2012 bao gồm: *Quyết định 1826/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm; Thông tư số 124/2012/TT-BTC, 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm; Thông tư số 151/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Nghị định số 123/2011/NĐ-CP cho phép chi nhánh các công ty bảo hiểm nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam*… Đặc biệt, công tác thanh tra, kiểm tra cũng được đẩy mạnh nhằm phát hiện và kịp thời xử lý các sai phạm. Nhờ vậy, hoạt động kinh doanh bảo hiểm ngày càng đi vào nền nếp và chuyên nghiệp hơn.

Nếu như phác họa bức tranh chung của nền kinh tế đất nước năm 2012 với nhiều "gam trầm" thì ngành Bảo hiểm nói chung và Bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng được coi một trong những điểm sáng hấp dẫn khi doanh thu vẫn đạt con số tăng trưởng ấn tượng. Doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ toàn thị trường ước đạt **22.776** tỷ đồng, tăng trưởng **10,7%** so với năm 2011. Tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt **24.230** tỷ đồng tăng **5,6%** so với cùng kỳ năm 2011[1].

(1) *Nguồn: Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm, Bộ Tài chính*

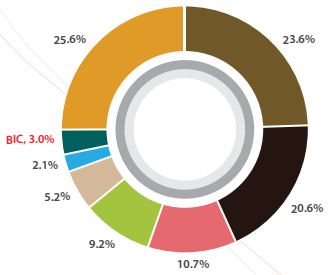
TĂNG TRƯỞNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ (2)

(Đơn vị: tỷ VNĐ)

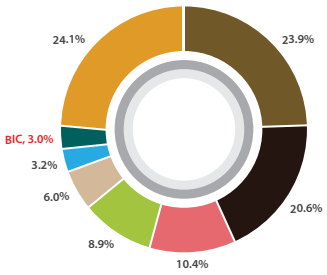
Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Doanh thu	6.403	8.211	10.950	13.754	17.364	20.576	22.776

(2) Nguồn: Cục Quản lý – Giám sát Bảo hiểm, Bộ Tài chính

Thị phần Bảo hiểm PNT năm 2011



Thị phần Bảo hiểm PNT năm 2012





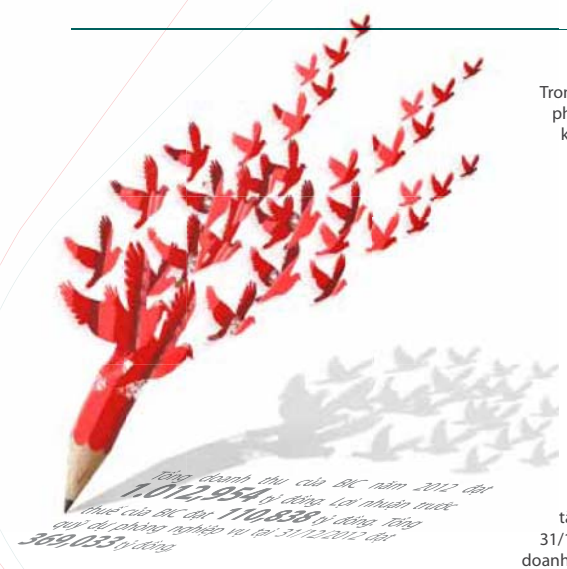
DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỐC THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ THEO NGHIỆP VỤ (3)

STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	2012	Tỷ trọng	2011	Tỷ trọng	Tăng trưởng
1	BH xe cơ giới	6.288,505	28%	6.230,443	30%	1%
2	BH tài sản và thiệt hại (*)	6.507,307	29%	5.780,338	28%	13%
3	BH sức khỏe và tai nạn con người	3.825,711	17%	3.281,458	16%	17%
4	BH thân tàu và TNDS chủ tàu	1.842,158	8%	1.864,256	9%	-1%
5	BH hàng hóa vận chuyển	1.955,667	9%	1.815,336	9%	8%
6	BH hàng không	741,900	3%	606,771	3%	22%
7	BH cháy nổ bắt buộc	472,214	2%	488,385	2%	-3%
8	BH trách nhiệm chung	505,711	2%	454,133	2%	11%
9	BH gián đoạn kinh doanh	60,843	0%	66,052	0%	-8%
10	BH tín dụng và rủi ro tài chính	143,737	1%	23,832	0%	503%
11	BH nông nghiệp	218,157	1%	16,618	0%	1213%
	Tổng	**22,561,910**	**100%**	**20,627,622**	**100%**	**9%**

(3) *Nguồn: Hiệp Hội Bảo hiểm Việt Nam*

(**): Bao gồm cả bảo hiểm mọi rủi ro tài sản khác

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BIC



Trong bối cảnh ngành bảo hiểm phải đương đầu với nhiều khó khăn, nhưng có thể nói năm 2012 là năm thành công của BIC khi hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Tổng doanh thu của BIC năm 2012 đạt **1.012,954** tỷ đồng. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm đạt **754,259** tỷ đồng, tăng **9,4%** so với năm 2011. Lợi nhuận trước thuế của BIC đạt **110,838** tỷ đồng, tăng **10,3%** so với năm 2011. Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ tại 31/12/2012 đạt **369,033** tỷ đồng, bằng **48,6%** vốn chủ sở hữu, tăng **23,8%** so với thời điểm 31/12/2011. Xét về hiệu quả kinh doanh, BIC đang nằm trong nhóm doanh nghiệp bảo hiểm có tỷ suất sinh lời cao nhất trên thị trường.

Với chiến lược tăng trưởng hiệu quả và bền vững, trong năm 2012, BIC đã triển khai hàng loạt các giải pháp đồng bộ như: tái cấu trúc mô hình hoạt động, kiểm soát rủi ro chặt chẽ, tái cơ cấu danh mục sản phẩm bảo hiểm, nỗ lực giảm tỷ lệ bồi thường, tiết giảm chi phí hoạt động và duy trì công nợ phí bảo hiểm thấp.

Phân khúc thị trường bán lẻ đã đem lại cho BIC nhiều thành công trong bối cảnh các lĩnh vực bảo hiểm truyền thống gặp nhiều khó khăn. Doanh thu của kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance) tăng **60%** so với năm 2011, kênh bảo hiểm trực tuyến đạt mức tăng trưởng ấn tượng **200%** so với năm 2011. Năm 2012, BIC cũng đẩy mạnh bán bảo hiểm qua hệ thống đại lý cá nhân, mang lại doanh thu đáng kể từ phân khúc bảo hiểm cá nhân. Đặc biệt, kênh bán hàng qua điện thoại (Telesales) cũng được thí điểm áp dụng, hứa hẹn một kênh bán hàng mới và hiệu quả cho BIC trong năm 2013.

Ngoài kết quả hoạt động khả quan tại Việt Nam, kết quả kinh doanh của 2 công ty con của BIC tại Lào và Campuchia cũng rất tốt. Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng khi doanh thu đạt **6,766** triệu USD, tăng trưởng **51%** so với năm 2011, củng cố vững chắc vị trí thứ 2 tại Lào. Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI) sau 3 năm hoạt động đã bắt đầu có lợi nhuận từ kinh doanh bảo hiểm gốc, hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, đã chiếm trên 7% thị phần tại Campuchia.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

(Đơn vị: tỷ VNĐ)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012
1	Tổng tài sản	1.870,011	1.402,617
2	Vốn chủ sở hữu	749,898	758,427
3	Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ	298,102	369,033
4	Doanh thu phí bảo hiểm	689,575	754,259
5	Tỷ lệ bồi thường thuộc TNGL	47%	38%
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	100,521	110,838
7	ROE	11,98%	12,75%

TĂNG TRƯỞNG NHÂN SỰ

(Đơn vị: người)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Số lượng nhân sự	118	265	390	493	515	550	589

TĂNG TRƯỞNG MẠNG LƯỚI

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Số Chi nhánh / Công ty thành viên	9	12	14	19	19	21	21
Số Phòng Kinh doanh	8	37	47	56	74	91	94

7 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2012



Chủ tịch HĐQT trao kế hoạch kinh doanh năm 2013 cho Tổng Giám đốc

01 Năm 2012 là năm của Bán lẻ với sự "bùng nổ" các sản phẩm bảo hiểm cá nhân mới như Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cá nhân BIC HealthCare, Bảo hiểm vật chất xe máy, Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân, Bảo hiểm cháy nổ xe máy,…và sự khởi sắc của hầu hết các kênh phân phối, đặc biệt là Bancassurance và Bảo hiểm trực tuyến.

02 Thay đổi nhân sự Ban điều hành, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của BIC, bao gồm: bổ nhiệm chính thức Ông Tôn Lâm Tùng giữ vị trí Tổng Giám đốc, bổ nhiệm mới hai Phó Tổng Giám đốc là ông Vũ Minh Hải và bà Đoàn Thị Thu Huyền, thay cho ông Đào Chí Cương và ông Mai Nguyên Đông được điều động về hệ thống BIDV

03 Năm thứ 3 liên tiếp BIC đứng trong top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.

04 Trong bối cảnh kinh doanh hết sức khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, BIC vẫn hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2012: Doanh thu phí bảo hiểm năm 2012 đạt 754,259 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 110,838 tỷ đồng.

05 Kênh Bảo hiểm trực tuyến ứng dụng chữ ký số, đánh dấu bước phát triển mới trong công tác cấp đơn bảo hiểm điện tử của BIC, đồng thời khẳng định vị thế tiên phong trong công nghệ bán hàng hoàn toàn trực tuyến của BIC trên thị trường.

06 Công tác phát triển thương hiệu của BIC đạt được những dấu ấn đáng kể thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tài trợ an toàn giao thông, các hội chợ triển lãm, sự kiện ra mắt sản phẩm lớn

07 Sau thành công bước đầu với chính sách phát triển kênh đại lý cá nhân chuyên nghiệp, BIC thí điểm triển khai kênh bán hàng qua điện thoại (Tele-sales), góp phần thúc đẩy doanh thu từ bảo hiểm cá nhân

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM



CƠ CẤU DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỐC

(Đơn vị: tỷ VNĐ)

TT	Nghiệp vụ	2011		2012	
		Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
1	Tài sản và thiệt hại	235,361	37,73	173,654	25,90
2	Xe cơ giới	183,217	29,37	244,024	36,40
3	Thân tàu và TNDS chủ tàu	48,384	7,76	51,153	7,63
4	Cháy nổ	62,026	9,94	80,629	12,03
5	Hàng hóa vận chuyển	31,283	5,01	33,466	4,99
6	Sức khỏe và tai nạn con người	35,235	5,65	65,831	9,82
7	Trách nhiệm	4,599	0,74	3,691	0,55
8	Hàng không	21,408	3,43	6,046	0,90
9	Thiệt hại kinh doanh	2,102	0,34	1,476	0,22
10	Tín dụng và rủi ro tài chính	0,206	0,03	10,406	1,55
	Tổng	**623,821**		**670,377**	

BẢO HIỂM HÀNG HẢI

Vượt qua các khó khăn kinh tế làm suy giảm khả năng tài chính và cầu bảo hiểm của khách hàng, doanh thu phí bảo hiểm hàng hải năm 2012 của BIC đạt **90,665** tỷ đồng, chiếm tỷ trọng **13,52**% trong tổng doanh thu phí bảo hiểm. Trong đó:

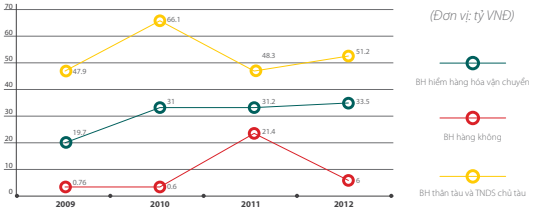
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển: đạt doanh thu **33,466** tỷ đồng, tăng trưởng **6,98**% so với năm 2011.

Bảo hiểm Thân tàu và Trách nhiệm dân sự chủ tàu: đạt doanh thu **51,153** tỷ đồng, tăng **5,72%** so với năm 2011, đứng thứ 6 trên thị trường. Đây là kết quả rất đáng ghi nhận trong bối cảnh bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu toàn thị trường ước giảm 1,5% (4).

Trong năm 2012, BIC cũng thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro trong hoạt động khai thác bảo hiểm hàng hải, tỷ lệ bồi thường nghiệp vụ bảo hiểm hàng hải được duy trì ở mức thấp 15,2%. Công tác đào tạo, các chương trình thi đua dành cho cán bộ khai thác… cũng được quan tâm chú trọng, góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.

(4) *Nguồn: Hiệp Hội Bảo hiểm Việt Nam*

TỐC ĐỘ TRONG TĂNG TRƯỞNG DOANH THU HÀNG HẢI GIAI ĐOẠN 2009 - 2012



BẢO HIỂM PHI HÀNG HẢI

Với chiến lược tập trung thúc đẩy bán lẻ, trong những năm gần đây, nhóm sản phẩm bảo hiểm Phi hàng hải của BIC có sự tăng trưởng tương đối rõ rệt. Năm 2012, doanh thu bảo hiểm Phi hàng hải của BIC đạt **323,952** tỷ đồng, tăng trưởng **45,1**% so với năm 2011, chiếm **48,32**% tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của BIC.

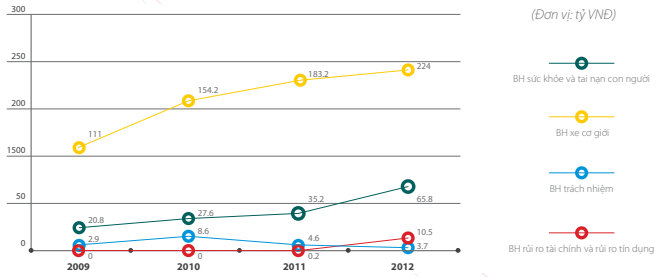
Bảo hiểm Xe cơ giới: Năm 2012, nhóm sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới của BIC tăng trưởng tốt với việc triển khai nhiều sản phẩm mới và điều chỉnh linh hoạt các điều kiện điều khoản bảo hiểm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng như bảo hiểm vật chất xe máy, bảo hiểm cháy nổ xe máy,.. Kết quả, doanh thu từ các sản phẩm Bảo hiểm Xe cơ giới năm 2012 đạt **244,024** tỷ đồng, tăng trưởng **33,19**% so với năm 2011. Bên cạnh đó, chất lượng và tốc độ giải quyết bồi thường được cải thiện rõ rệt và hiệu quả nghiệp vụ xe cơ giới cũng được cải thiện so với năm 2011.

Bảo hiểm Con người: Năm 2012, doanh thu nhóm sản phẩm Bảo hiểm con người của BIC đạt **65,831** tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng **86,84**% so với năm 2011, cao nhất trong nhóm sản phẩm bảo hiểm Phi hàng hải. Bên cạnh các sản phẩm đã và đang cung cấp cho khách hàng như Bảo hiểm tai nạn con người 24/7, Bảo hiểm tai nạn con người 24/24,… BIC cũng đã nghiên cứu và chính thức triển khai sản phẩm Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cao cấp BIC Health Care và triển khai rộng rãi sản phẩm Bảo hiểm khách du lịch nước ngoài, góp phần tăng trưởng doanh thu, thu hút sự quan tâm của khách hàng.

Bảo hiểm Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng: Với lợi thế là thành viên của một tổ chức tài chính ngân hàng lớn, BIC đã chú trọng tập trung đầu tư phát triển mảng nghiệp vụ tài chính và rủi ro tín dụng. Trong năm 2012, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, song doanh thu các sản phẩm Bảo hiểm Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng năm của BIC đã đạt **10,406** tỷ đồng, cao gấp gần 50 lần so với cùng kỳ năm 2011. Đặc biệt, ngoài việc bảo hiểm cho hệ thống BIDV, BIC đã xúc tiến cấp đơn bảo hiểm cho một số Ngân hàng thương mại lớn như MaritimeBank, Đại Á, Navibank…. Nghiệp vụ này hứa hẹn sẽ phát triển đột phá trong thời gian tới.

Bảo hiểm Trách nhiệm: doanh thu các sản phẩm Bảo hiểm Trách nhiệm của BIC năm 2012 đạt **3,691** tỷ đồng. Mặc dù doanh thu của các sản phẩm này còn khiêm tốn và chiếm tỷ trọng chưa cao trong tổng doanh thu phí bảo hiểm của BIC nhưng đây được coi là các sản phẩm nhiều tiềm năng. Một số sản phẩm mới cũng được BIC nghiên cứu và triển khai, gồm: bảo hiểm trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc, bảo hiểm kiến trúc sư và kỹ sư tư vấn…

Tăng trưởng nghiệp vụ PHH trong giai đoạn 2009-2012



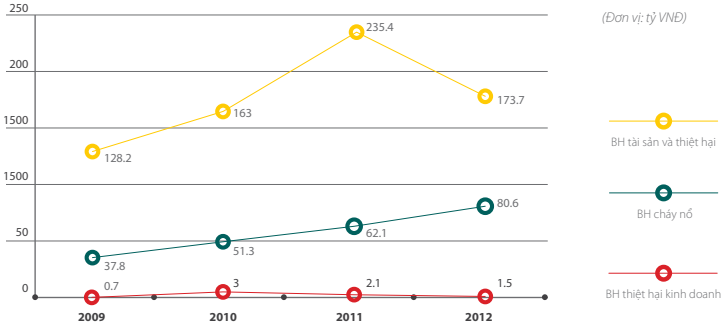
BẢO HIỂM TÀI SẢN KỸ THUẬT

Năm 2012, thị trường bảo hiểm tài sản – kỹ thuật (TSKT) gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh các lĩnh vực truyền thống như xây dựng lắp đặt, bất động sản… bị thu hẹp. Doanh thu từ các sản phẩm bảo hiểm TSKT của BIC đạt **255,76** tỷ đồng. Mặc dù phải đối mặt với nhiều rủi ro, thiên tai mà nổi bật là hai cơn bão lớn: cơn bão số 1 (Parkhar) tại các tỉnh phía Nam và cơn bão số 8 (Sơn Tinh) tháng 10/2012 tại các tỉnh phía Bắc gây thiệt hại lớn về tài sản nhưng với nhiều giải pháp đồng bộ để tăng cường năng lực quản lý rủi ro, tỷ lệ bồi thường đối với nghiệp vụ này được duy trì ở mức xấp xỉ 28%.

Nhìn chung, năm 2012, hoạt động khai thác nghiệp vụ TSKT của BIC có những bước tiến đáng ghi nhận như sau:

- Công tác kiểm soát quản lý rủi ro đã được tăng cường, đặc biệt đối với các nghiệp vụ Tài sản, CPM.
- Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) được đầu tư, thực hiện tốt theo hướng bám sát nhu cầu của thị trường, khách hàng thông việc chỉnh sửa, ban hành các sản phẩm dịch vụ mới (bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân…)
- Nguồn khách hàng tham gia sản phẩm này ngày càng tăng đặc biệt là các tổng công ty, các tập đoàn lớn.

Tăng trưởng nghiệp vụ TSKT trong giai đoạn 2009-2012



CÁC TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2012

Với mục tiêu kinh doanh nhất quán là hiệu quả và bền vững, năm 2012 BIC tiếp tục triển khai nhiều chương trình cải tiến nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, tăng năng suất lao động như: tập trung xây dựng và củng cố nguồn nhân lực, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đầu tư cho quảng bá thương hiệu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, … những nỗ lực này đã và đang tạo đà cho hoạt động kinh doanh tăng trưởng.



Lễ vinh danh Sao Kim 2012 dành cho cán bộ và tập thể xuất sắc nhất

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

BIC luôn xác định con người là tài sản quý giá nhất và là động lực chính của sự phát triển. Năm 2012, BIC đã triển khai rất nhiều giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả lực lượng lao động, trong đó đã triển khai dự án ứng dụng phương pháp thẻ điểm cân bằng (BSC) và bộ chỉ số KPIs trong quản lý và đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên.

Đồng thời, công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ cũng đã được cải tiến. Thông qua quy trình tự ứng cử và bảo vệ kế hoạch hành động, các ứng viên có cơ hội thể hiện kinh nghiệm và năng lực của bản thân trong lĩnh vực mình phụ trách. Nhờ quy trình này, trong năm vừa qua BIC đã sàng lọc và bổ nhiệm được rất nhiều cán bộ chủ chốt, có năng lực và hoài bão, tâm huyết với công việc.

Công tác đào tạo cũng được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để hỗ trợ cho việc đào tạo đúng người, từ đó hoàn thiện trình độ chuyên môn và kỹ năng cho từng vị trí công việc, trong năm 2012, BIC đã xây dựng bộ khung Bản đồ đào tạo (Training Map) cho toàn bộ các chức danh công việc trên toàn hệ thống. Trên cơ sở đó,đã tổ chức các khóa đào tạo cho gần 400 lượt cán bộ nhân viên về nghiệp vụ và các khóa đào tạo về kỹ năng mềm….với các hình thức đào tạo đa dạng bao gồm đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo từ xa, các buổi hội thảo, tập huấn…

QUẢN LÝ RỦI RO

Quản lý rủi ro được xác định là một trong những hoạt động trọng tâm, là nhân tố cốt lõi duy trì định hướng hoạt động hiệu quả của BIC. Với việc xây dựng được hệ thống công nghệ thông tin kết nối online toàn bộ hoạt động của hệ thống, các rủi ro trong tác nghiệp tại BIC được giảm thiểu. Năm 2012, BIC đã nâng cấp hệ thống phần mềm lõi, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển và kiểm soát rủi ro hệ thống.

Chính sách quản lý rủi ro nghiệp vụ cũng được hết sức chú trọng thông qua việc kiểm soát chặt chẽ khâu khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro. Song song, BIC luôn duy trì chính sách tái bảo hiểm thận trọng, hiệu quả để hạn chế tối đa các tổn thất mang tính thảm họa và biến động về tài chính.
Công tác kiểm toán, kiểm tra nội bộ cũng đã được BIC chú trọng và triển khai theo chủ đề chuyên sâu nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro trong quá trình tác nghiệp trong toán hệ thống để kịp thời phòng ngừa và điều chỉnh chính sách quản lý.
Đối với hoạt động của các Liên doanh tại hải ngoại, năm 2012, BIC đã chú trọng triển khai kiểm tra, kiểm soát hoạt động tại các Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào Việt và Công ty Bảo hiểm Cambodia – Việt nam nhằm đảm bảo hoạt động của các Liên doanh tuân thủ đúng quy định của pháp luật sở tại và quy định của BIC, hoạt động an toàn, ổn định.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Với chiến lược đẩy mạnh bán lẻ, năm 2012, công tác phát triển thương hiệu được chú trọng đầu tư mạnh mẽ.

Duy trì thế mạnh là thành viên của ngân hàng BIDV, nhận diện thương hiệu của BIC tại các chi nhánh ngân hàng BIDV được tăng cường, góp phần tạo ra một hình ảnh nhất quán và thống nhất, thúc đẩy hoạt động khai thác bảo hiểm qua kênh bán chéo Ngân hàng – Bảo hiểm (Bancassurance) khởi sắc và tăng trưởng mạnh.

Bên cạnh đó, công tác quảng bá thương hiệu BIC qua các phương tiện truyền thông đại chúng cũng được tập trung đầu tư, góp phần mang thương hiệu BIC tới gần với khách hàng và công chúng. Các thông điệp về an toàn giao thông, an sinh xã hội... được gắn cùng với thương hiệu BIC trên các biển quảng cáo tại các khu vực đông dân cư tại các thành phố lớn cùng với các chương trình từ thiện, cộng đồng được thực hiện trong năm vừa qua không những góp phần quảng bá thương hiệu BIC mà thông qua đó đã tạo thiện cảm cho công chúng về một thương hiệu BIC thân thiện và có trách nhiệm.



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong các công cụ để tăng cường năng lực cạnh tranh, công nghệ thông tin được coi là công cụ quan trọng nhất, quyết định sự thành công của một doanh nghiệp. Năm 2012, công nghệ thông tin tiếp tục được BIC chú trọng đầu tư, đã góp phần tạo nên một BIC hiệu quả hơn.

BIC đã tiến hành nâng cấp phần mềm lõi phục vụ các hoạt động kinh doanh cốt yếu, trên cơ sở đó, phát triển thành công các chương trình quản lý và bán hàng trực tuyến, tra cứu thông tin bồi thường trực tuyến... khẳng định vị thế tiên phong trong việc phát triển các kênh phân phối phi truyền thống.

Năm 2012, BIC đã đưa vào vận hàng hệ thống họp trực tuyến Conference Call và đào tạo trực tuyến, đã góp phần tăng cường kết nối giữa Trụ sở chính với các đơn vị trên khắp cả nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành cũng như góp phần tiết kiệm các chi phí quản lý hành chính cho BIC.

Các hệ thống phần mềm quản lý nội bộ như chương trình quản lý danh mục đầu tư, quản lý hành chính, tài sản, nhân sự và quản lý tiền lương... được hoàn thiện và đưa vào áp dụng trong năm 2012 cũng đã tạo nên sự thay đổi lớn về năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và nguồn nhân lực trong toàn hệ thống.

ĐA DẠNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Năm 2012 có thể nói là năm "bùng nổ" của các sản phẩm bảo hiểm bán lẻ của BIC. Trong bối cảnh kinh doanh khó khăn, tăng trưởng doanh thu từ các nghiệp vụ truyền thống bị chững lại, BIC đã xác định cần đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt là các sản phẩm bán lẻ để đẩy mạnh doanh thu, mở rộng cơ sở khách hàng. Một số sản phẩm mới được BIC nghiên cứu, phát triển, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng cá nhân như: Bảo hiểm vật chất xe máy, Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cá nhân BIC HealthCare, Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân, Bảo hiểm cháy nổ xe máy.... Đồng thời, các sản phẩm đang triển khai cũng được xem xét, nghiên cứu hoàn thiện, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, các sản phẩm tiềm năng như bảo hiểm rủi ro tín dụng và rủi ro tài chính và bảo hiểm trách nhiệm cũng được BIC hoàn thiện, đón đầu tiềm năng lớn trong thời gian tới.



Lễ phát động kinh doanh năm 2013

PHÁT TRIỂN KÊNH PHÂN PHỐI VÀ MẠNG LƯỚI

Song song với đa dạng sản phẩm, dịch vụ, phát triển kênh phân phối cũng là một mũi nhọn của BIC trong năm vừa qua. Cùng với việc kiện toàn hoạt động của 21 công ty thành viên và hơn 90 phòng kinh doanh trên toàn quốc, việc củng cố và đẩy mạnh khai thác hai kênh phân phối Bancassurance và Bảo hiểm trực tuyến ghi dấu các bước tiến đột phá của BIC trong năm vừa qua.

Kênh Bancassurance đã tăng trưởng hơn 60% trong năm 2012, khẳng định cam kết và vị trí tiên phong về bán bảo hiểm qua ngân hàng của BIC. Hiện nay BIC đã triển khai 13 sản phẩm bảo hiểm bán chéo, bán tích hợp và có liên kết với hơn 12 ngân hàng. Kênh Bảo hiểm trực tuyến tăng trưởng 200% so với năm 2011 và đã có nhiều tiến bộ vượt bậc cả về danh mục sản phẩm và phương thức bán hàng, đặc biệt là sự áp dụng chữ ký số trong quy trình cấp đơn bảo hiểm. Có thể nói hiện nay BIC là doanh nghiệp bảo hiểm đi đầu trong phát triển bảo hiểm trực tuyến, với quy trình bán bảo hiểm được thực hiện hoàn toàn trực tuyến từ khâu đăng ký mua tới khâu thanh toán và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Kênh đại lý cá nhân cũng được BIC triển khai và bước đầu đã mang lại các kết quả ấn tượng. Kênh bán hàng qua điện thoại (Telesales) được BIC thí điểm triển khai đã thu được kết quả tích cực và là trọng tâm phát triển các kênh phân phối hiện đại của BIC trong năm 2013.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG

Năm 2012, công tác dịch vụ khách hàng (DVKH) của BIC tiếp tục có những bước phát triển bền vững từ nhận thức đến cách thức triển khai. Nhìn lại một năm đầy khó khăn đã qua, công tác DVKH đã tập trung chăm sóc, đảm bảo nguồn khách hàng thân thiết qua việc quản lý chặt chẽ tỷ lệ tái tục và thường xuyên triển khai, tổ chức thực hiện các chương trình tặng quà, khuyến mại, ưu đãi khách hàng trên toàn hệ thống. Chính sách khách hàng cũng tiếp tục được áp dụng một cách thống nhất, đồng bộ. *Các chương trình chăm sóc khách hàng như "Đầu xuân – Tri ân khách hàng 2012", "Thay lời tri ân", "Cảm ơn khách hàng thân thiết", nhắn tin thương hiệu chúc mừng khách hàng nhân dịp sinh nhật, thông báo tái tục, các chương trình khuyến mại, nhắc nhở khách hàng vào mùa mưa bão…* đã tạo được những ấn tượng tốt đẹp đối với khách hàng về một BIC luôn hướng tới khách hàng và vì quyền lợi của khách hàng. Nhờ các nỗ lực này, số lượng khách hàng tái tục năm 2012 đạt **8.773** khách hàng, tăng **20%** so với năm 2011.

Năm 2012, do ảnh hưởng của thiên tai (cơn bão số 1 và số 8) đã làm gia tăng đột biến về số lượng hồ sơ khiếu nại, tăng **14,02%** so với năm 2011 và **50,27%** so với năm 2010, đặt ra thử thách rất lớn cho công tác Giám định bồi thường của BIC. Nhờ các nỗ lực phát triển các kênh thông tin hướng dẫn bồi thường, tra cứu tình trạng xử lý bồi thường của khách hàng trên trang web www.bic.vn, củng cố và mở rộng mạng lưới liên kết dịch vụ (các liên kết garage sửa chữa, đơn vị giám định tổn thất,...), nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giám định bồi thường, các tiến bộ trong công tác quản lý rủi ro,... công tác giám định bồi thường đã có nhiều bước tiến bộ về mặt chất lượng và tốc độ giải quyết hồ sơ bồi thường. Tỷ lệ số vụ giải quyết/số vụ phát sinh đạt trên 100%, tỷ lệ hồ sơ tồn đọng tiếp tục giảm và đạt mức thấp nhất trong 3 năm qua. Đồng thời, cùng với việc kiểm soát chặt chẽ chi phí bồi thường, tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại của BIC đạt 38%, thấp hơn so với năm 2011.

Khách hàng	Số lượng khách hàng tái tục năm 2011	Số lượng khách hàng tái tục năm 2012
Tổ chức	3.384	4.437
Cá nhân	3.640	4.336
Tổng	**7.024**	**8.773**



LVI và CVI ký kết hợp đồng bảo hiểm với các đối tác tại thị trường Lào và Campuchia

HOẠT ĐỘNG TẠI HẢI NGOẠI

Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI)

Năm 2012 là một năm tiếp tục thành công đối với LVI, năng lực và vị thế của công ty được nâng cao do khai thác thành công nhiều dự án lớn tại thị trường Lào, trong đó có dự án bảo hiểm cho toàn bộ tài sản của tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai tại Lào. Doanh thu phí bảo hiểm năm 2012 đạt **6.766.558** USD, tăng **51%** so với năm 2011, đạt **108%** kế hoạch HĐQT giao cả năm 2012. Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 1.489.373 USD, tăng 68% so với thời điểm 31/12/2011. Đặc biệt, 2012 là năm LVI hết lỗ lũy kế, tỷ suất sinh lời trên vốn đạt xấp xỉ 18%.

Dự kiến LVI sẽ bắt đầu chia lợi tức từ năm 2013. Năm 2012, LVI đã đưa vào triển khai thành công 4 sản phẩm mới là bảo hiểm vật chất xe đâm va, bảo hiểm cây cao su, bảo hiểm cây cà phê và bảo hiểm du lịch nước ngoài. Ngoài ra, LVI đã triển khai tốt công tác đánh giá, phân loại, lựa chọn và quản lý rủi ro trong quá trình khai thác, tập trung đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng trước và sau bán hàng, qua đó, LVI đã tiếp tục giữ vững vị trí số 2 về thị phần và được đánh giá là thương hiệu bảo hiểm yêu thích trên thị trường Lào.

Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI)

Hoạt động kinh doanh của CVI có sự tăng trưởng ổn định qua từng năm, Tổng lợi nhuận trước thuế đạt **363,601** USD tăng **110%** so với năm 2011, đạt **129,4%** kế hoạch được giao. Nhóm bảo hiểm có tỷ lệ tăng trưởng mạnh là bảo hiểm tài sản tăng 53% và nhóm bảo hiểm chung/Miscellaneous tăng 68% (trong đó chủ yếu bảo hiểm hàng không).

CVI tiếp tục dẫn đầu thị trường Campuchia trong lĩnh vực bảo hiểm hàng không với 3 khách hàng lớn là Cambodia Angkor Air, Sky-wings Asia và Helistar. Ngoài lợi thế đứng đầu về sản phẩm bảo hiểm hàng không, CVI đang phối hợp với nhà Tái bảo hiểm cũng như nhà môi giới bảo hiểm chuyên nghiệp về sản phẩm bảo hiểm công nghiệp (cụ thể là cây cao su, mía đường, cây thốt nốt) để phát triển sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho các khách hàng, đặc biệt là các nhà đầu tư Việt Nam, các khách hàng của hệ thống ngân hàng BIDC, Canadia Bank,... CVI tiếp tục đặt mục tiêu phát triển nhóm sản phẩm này để tạo thương hiệu và tăng trưởng thị phần của CVI tại Campuchia.

MỤC TIÊU TÀI CHÍNH 2013

Cùng với những khó khăn chưa thể giải quyết của nền kinh tế vĩ mô trong năm 2013, thị trường bảo hiểm Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn mới, hạn chế mức tăng trưởng của cầu bảo hiểm. Theo dự báo của các cơ quan chức năng, tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2013 chỉ khoảng từ 10-12%.

Trước những dự báo môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn và khó lường, năm 2013 BIC sẽ tiếp tục theo đuổi định hướng kinh doanh hiệu quả và bền vững, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ để xây dựng thương hiệu uy tín. Mục tiêu năm 2013 gồm: đạt mức tăng trưởng doanh thu cao hơn mức bình quân của thị trường và cao hơn năm 2012; tiết kiệm chi phí hoạt động; lợi nhuận tăng trưởng tối thiểu 10% so với 2012.

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2012	KH 2013	% Tăng trưởng
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	110.838	121.000	10%
Doanh thu phí bảo hiểm	Trđ	754.259	850.000	12,7%
Chia cổ tức tối thiểu	%	10	10	0%

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để đạt được các mục tiêu nói trên, BIC sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp trên các khía cạnh:

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển bảo hiểm bán lẻ: Trên cơ sở mạng lưới bán hàng, kênh phân phối đã được xây dựng, trong năm 2013 BIC sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bán lẻ thông qua việc tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm bảo hiểm cá nhân, đẩy mạnh các kênh khai thác: Bancassurance, Đại lý cá nhân và bảo hiểm trực tuyến. Ngoài ra, BIC cũng sẽ tập trung triển khai kênh bán hàng qua điện thoại (Tele-sales) đã được triển khai thử nghiệm trong năm 2012.

Tối ưu hóa lợi thế khi là thành viên BIDV: Trên cơ sở thế mạnh từ việc là thành viên của ngân hàng BIDV, trong năm 2013 BIC sẽ tập trung khai thác tối đa lợi thế nguồn khách hàng, kênh phân phối của hệ thống BIDV thông qua việc đổi mới toàn diện cách thức hợp tác khai thác bán chéo sản phẩm.

Hoàn thiện mô hình quản trị để tối ưu hóa hoạt động: BIC sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức theo hướng phát huy vai trò định hướng, quản lý và hỗ trợ của Trụ sở chính, tăng sự chủ động của các Công ty thành viên. Đồng thời, để tối ưu hiệu quả hoạt động và cải thiện khả năng cạnh tranh trên thị trường, sẽ xem xét việc sắp xếp lại và tiến hành rà soát các quy định, quy trình để đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Tận dụng sức mạnh công nghệ thông tin: Để tăng năng lực cạnh tranh, BIC xác định phải đầu tư mạnh cho công nghệ thông tin trong các năm tiếp theo. Cụ thể trong năm 2013, BIC sẽ hoàn thiện, nâng cấp phần mềm lõi chương trình quản lý bảo hiểm, hoàn thiện quy trình trình duyệt và chấp nhận rủi ro, giám định bồi thường online, triển khai các tiện ích kết nối toàn hệ thống như họp trực tuyến, đào tạo và kiểm tra nghiệp vụ trực tuyến... giảm thiểu chi phí và tăng cường tương tác giữa Trụ sở chính với các đơn vị thành viên.



Hội nghị triển khai kế hoạch kinh doanh BIC

Đẩy mạnh truyền thông và phát triển thương hiệu: BIC sẽ tập trung tiến hành xây dựng và hoàn thiện các giá trị cốt lõi của thương hiệu như: cam kết thương hiệu, định vị, slogan... Đồng thời sẽ mở rộng truyền thông thương hiệu trên các kênh thông tin đại chúng, biển bảng quảng cáo ngoài trời nhằm tiếp cận các khách hàng tiềm năng. BIC sẽ tận dụng xu hướng phát triển của các mạng xã hội, marketing trực tuyến,... để tăng cường truyền thông cho thương hiệu và các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm, phát huy sức mạnh truyền thông tổng thể trên tất cả các kênh.

Tăng cường tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động: Tiếp tục theo đuổi định hướng ổn định và bền vững, BIC sẽ thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường quản lý rủi ro, tiết kiệm chi phí, kiểm soát tỷ lệ nợ phí, cải thiện công tác giám định bồi thường và dịch vụ khách hàng và nâng cao hiệu quả khai thác.

Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực: BIC sẽ tiếp tục đầu tư phát triển hiệu quả nguồn nhân lực thông qua các nỗ lực đào tạo và phát triển. Công tác đào tạo sẽ được hoàn thiện và triển khai theo Bản đồ đào tạo (Training Map), tăng cường đào tạo theo nghiệp vụ, đào tạo các kỹ năng mềm, thực hiện đào tạo các cán bộ được quy hoạch và các cán bộ có tiềm năng, tuyển dụng và thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường. Công tác phát triển nguồn nhân lực được thực hiện dựa trên việc thực hiện đánh giá, điều chỉnh mô hình tổ chức để đáp ứng yêu cầu kinh doanh, tăng cường luân chuyển cán bộ.

Củng cố hoạt động tại hải ngoại: Với tiềm năng và hiệu quả của hoạt động kinh doanh hải ngoại, phát huy các nền tảng mà các Liên doanh LVI và CVI đã đạt được trong quá trình hoạt động, trong năm 2013 BIC sẽ tăng cường quản lý, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động của 02 công ty tại Lào và Campuchia. Đặc biệt, năm 2013 BIC sẽ nâng tỷ lệ nắm giữ vốn tại cả hai liên doanh với việc nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn từ Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) trong CVI và nhận chuyển nhượng vốn góp của Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt (LVB) tại LVI để chính thức tăng tỷ lệ nắm giữ vốn tại hai liên doanh này lên 65%, Đây sẽ là cơ hội tốt cho BIC để khai thác, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại thị trường Lào và Campuchia.

Tiếp tục đề án Tái cấu trúc doanh nghiệp: Thực hiện đề án Tái cấu trúc doanh nghiệp, BIC sẽ tiếp tục triển khai các công việc liên quan tới tìm kiếm, lựa chọn cổ đông chiến lược, định hạng tín nhiệm và thành lập Công ty Bảo hiểm Nhân thọ.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2012, Hội đồng Quản trị BIC (HĐQT) đã thực hiện công tác quản trị, quản lý và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc theo đúng các quy định và phân cấp thẩm quyền. HĐQT cũng đã thực hiện phân giao chi tiết mục tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 phê duyệt, giám sát việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc BIC trong năm vừa qua đồng thời theo sát chỉ đạo toàn hệ thống hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt.

Năm 2012, ngoài việc thực hiện theo phương thức lấy ý kiến để thông qua các quyết định của HĐQT giữa các kỳ họp, HĐQT cũng đã triển khai 4 phiên họp tập trung. HĐQT đã tiến hành phê duyệt và ban hành bổ sung các quy chế, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT, đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty được vận hành thống nhất và bài bản. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm và đánh giá năng lực quản lý của các thành viên Ban Điều hành định kỳ 06 tháng/lần, đồng thời có các chỉ đạo kịp thời điều chỉnh công tác điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống BIC.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2012

Trên cơ sở mục tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã giao, Hội đồng Quản trị cùng Ban điều hành tập trung, nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao.

Điều chỉnh chương trình phát hành quyền chọn mua cổ phần cho CBCNV (ESOP): Trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 về việc điều chỉnh giá thực hiện chương trình ESOP cho cán bộ công nhân viên, HĐQT đã tiến hành điều chỉnh giá thực hiện của Chương trình ESOP từ 13.500 đồng/cổ phiếu xuống 10.000 đồng/cổ phiếu. Mức giá thực hiện này được cố định và áp dụng cho toàn bộ thời gian còn lại của chương trình.

Triển khai lộ trình tái cấu trúc BIC: Trên cơ sở phê duyệt và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo việc triển khai việc phân tích, đánh giá cơ cấu quản trị hiện tại, đánh giá các khoản đầu tư vốn góp tại các liên doanh hải ngoại để lên phương án nhận chuyển nhượng vốn cho phù hợp; đồng thời nghiên cứu các cơ hội đầu tư khác. HĐQT đã có chỉ đạo chuyển hướng tập trung cho việc tăng và nhận chuyển nhượng vốn góp từ 02 liên doanh tại Lào và Campuchia: nhận chuyển nhượng khoản góp vốn từ Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) tương đương 65% vốn điều lệ của CVI; nhận chuyển nhượng vốn góp của Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt (LVB) tương đương 14% vốn điều lệ của LVI để tăng tỷ lệ nắm giữ vốn tại LVI từ 51% lên 65%.

Song song với việc nhận chuyển nhượng vốn từ LVI và CVI, HĐQT cũng đã và đang theo dõi chỉ đạo việc tìm kiếm cơ hội hợp tác thành lập liên doanh bảo hiểm nhân thọ.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm thứ hai kể từ khi BIC chính thức chuyển đổi từ Công ty 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần với tên gọi mới là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ban Kiểm soát tiếp tục được cơ cấu lại (ĐHĐCĐ thường niên 2012 đã bầu ông Nguyễn Thành Công thay thế ông Đào Mạnh Dương làm thành viên BKS) và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ của Tổng Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Xây dựng văn bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban Kiểm soát năm 2012.
- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán, kế toán.
- Thực hiện thẩm định độc lập báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2012 của BIC.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2012.
- Xem xét, đánh giá báo cáo hoạt động kiểm tra nội bộ của Tổng Công ty cũng như công tác khắc phục sau kiểm tra.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THÙ LAO VÀ LƯƠNG THƯỞNG CỦA HĐQT, BAN KS

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV thực hiện chi trả thù lao và phụ cấp cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát theo đúng phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/03/2012. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Mức chi (đồng/tháng)	Chi trả năm 2012
1	Thù lao, trợ cấp:		
	Thù lao, trợ cấp của Hội đồng quản trị	18.000.000	270.000.000
	Thù lao, trợ cấp của Ban Kiểm soát	4.500.000	67.500.000
2	Phụ cấp họp (4 lần họp)		61.000.000
3	**Tổng cộng**		**398.500.000**

CỔ ĐÔNG VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành BIC

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Theo phương châm cởi mở và minh bạch thông tin, trong năm vừa qua BIC đã thực hiện nghiêm túc và chuẩn xác, nâng cao chất lượng công bố thông tin đồng thời cũng tích cực trao đổi, tương tác với cổ đông để truyền thông một cách nhất quán và rõ ràng tới cổ đông về tình hình hoạt động của BIC.

Kịp thời công bố thông tin theo quy định

Định kỳ hoặc đột xuất, BIC luôn đảm bảo tính kịp thời trong việc thực hiện báo cáo và công bố thông tin, giải trình thông tin với các cơ quan chức năng theo quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư 52/2012/TT-BTC. Trong năm 2012, bên cạnh công bố các thông tin về tình hình quản trị doanh nghiệp 6 tháng 1 lần, báo cáo tài chính định kỳ hàng quý,… BIC cũng kịp thời truyền thông những thông tin đột xuất như thay đổi thành viên Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, các Nghị quyết họp của Hội đồng quản trị,…tới các cổ đông.

Đồng thời BIC cũng duy trì kênh thông tin chính thống là website của Tổng Công ty với chuyên mục Quan hệ cổ đông *(tại địa chỉ: http://bic.vn/Desktop.aspx/Quan-he-co-dong/Cong-bo-thong-tin/)*. Thông qua website, BIC thường xuyên cập nhật các thông tin mới và đăng tải các quy trình, biểu mẫu phục vụ nhà đầu tư. Bên cạnh website, BIC cũng quan tâm duy trì đối thoại với các cổ đông qua nhiều kênh khác nhau như báo chí, đài truyền hình, báo cáo thường niên, tư vấn trực tiếp thông qua Ban Đầu tư tài chính,… đảm bảo cổ đông được tiếp cận thông tin kịp thời, đầy đủ.

Nâng cao tính minh bạch trong việc cung cấp thông tin

BIC luôn đảm bảo chất lượng thông tin truyền thông tới các nhà đầu tư. Bên cạnh các thông tin phải công bố theo quy định, BIC luôn cập nhật thường xuyên và chính xác các hoạt động của doanh nghiệp, các sự kiện mới, sản phẩm, dịch vụ mới lên website và các phương tiện truyền thông khác để các nhà đầu tư có cái nhìn khách quan và toàn diện về hoạt động của Tổng Công ty.

BIC là một trong các doanh nghiệp sớm áp dụng báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế và có đơn vị kiểm toán độc lập uy tín, đảm bảo thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo đúng quy định và tiến độ.

CỔ PHẦN

Vốn điều lệ	**660.000.000.000**
Số lượng cổ phiếu niêm yết	**60.000.000**
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	**60.000.000**
Loại cổ phiếu	**Cổ phiếu phổ thông**
Mã cổ phiếu (HOSE)	**BIC**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

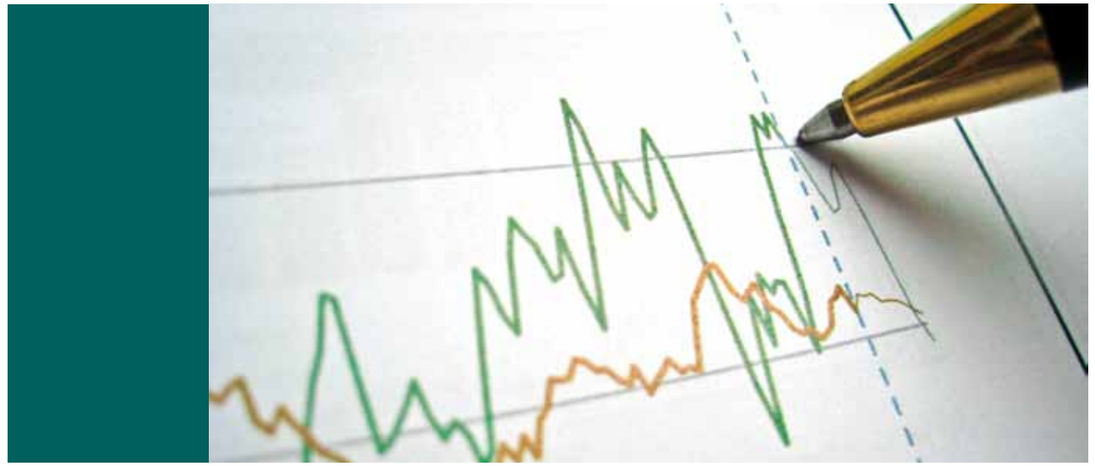
TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)
Danh sách Cổ đông sáng lập			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	54.317.509	543.175.090.000	82,3%
Tổng cộng	**54.317.509**	**543.175.090.000**	**82,3%**

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

Tầng 16, tháp A, tòa tháp Vincom, 191 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 2.2200.282 / 18009456 - Fax: (84-4) 2.2200.281 - Email: bic@bidv.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



MỤC LỤC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN ____ 44

Thông tin chung 46
Báo cáo của ban tổng giám đốc 48
Báo cáo kiểm toán độc lập 49
Bảng cân đối kế toán 50
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 53
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 55

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ____ 57

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là một công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài nhà nước là **11.682.491**, chiếm **17,7%** vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty	**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**
Địa chỉ	Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng tham gia vào hợp đồng liên doanh với các đối tác tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 146/BKH/ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008 để thành lập ra Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt, trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% tổng vốn điều lệ, tương đương 1.530.000 USD. Tổng Công ty kế thừa khoản đầu tư liên doanh này từ Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Tổng Công ty là 660 tỷ đồng. Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 660 tỷ đồng *(ngày 31 tháng 12 năm 2011: 660 tỷ đồng)*.

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 16, Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có hai mươi mốt (21) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 589 người *(ngày 31 tháng 12 năm 2011: 550 người)*.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty là 84.178.164.009 đồng Việt Nam *(cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm)* 2011: lợi nhuận thuần sau thuế là 79.065.512.609 đồng Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Lâm Tùng, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho năm tài chính 2012 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Quang Tùng	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Trần Xuân Hoàng	Phó Chủ tịch	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Trịnh Minh Tâm	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Đặng Quang Vinh	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2012 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Cao Cự Trí	Trưởng ban	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên	Ngày 1/10/2010 và miễn nhiệm ngày 16/ 3/ 2012
Ông Nguyễn Thành Công	Thành viên	Ngày 16 tháng 3 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính 2012 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Tôn Lâm Tùng	Quyền Tổng Giám đốc	Ngày 28 tháng 4 năm 2011
Ông Tôn Lâm Tùng	Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 5 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Trần Trung Tính	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Mai Nguyên Đông	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1/10/2010 và miễn nhiệm ngày 1/4 2012
Ông Đào Chí Cương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1/10/2010 và miễn nhiệm ngày 1/4/2012
Ông Vũ Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 4 năm 2012
Bà Đoàn Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 5 năm 2012

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;

Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tổng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông **Tôn Lâm Tùng**
TỔNG GIÁM ĐỐC
Hà Nội, Việt Nam - Ngày 13 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755012/15504518

Kính gửi: **Các cổ đông**
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam *("Tổng Công ty ")* được trình bày từ trang 5 đến trang 59 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiêm của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạc và thực hiện kiểm tóoán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yêu hay không việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm tóoán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thức hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và tuân thủ các quy định có liên quan.

Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam
Hà Nội, ngày 13/3/2013

Võ Tấn Hoàng Văn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0264/KTV

Trần Thị Minh Tiến
KIỂM TOÁN VIÊN
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1331/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
100	**A| TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.129.206.701.858**	**1.733.798.447.811**
110	I. Tiền	4	**15.192.045.761**	**17.800.852.232**
111	1.Tiền mặt tại quỹ		405.322.679	605.026.144
112	2.Tiền gửi ngân hàng		14.786.723.082	17.056.226.088
113	3.Tiền đang chuyển		-	139.600.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	**900.089.914.036**	**1.400.608.746.540**
121	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		97.059.200.387	143.889.012.493
128	2.Đầu tư ngắn hạn khác		815.828.000.000	1.279.073.200.000
129	3.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(12.797.286.351)	(22.353.465.953)
130	III. Các khoản phải thu	6	**207.983.259.672**	**311.241.196.420**
131	1. Phải thu của khách hàng		204.563.928.648	276.526.039.044
132	2.Trả trước cho người bán		1.309.652.500	678.042.882
133	3.Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.858.667.634	7.994.634.946
138	4. Các khoản phải thu khác		6.646.422.296	32.375.581.984
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(10.395.411.406)	(6.333.102.436)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		**5.941.482.389**	**4.147.652.619**
151	1. Tạm ứng		5.153.579.387	3.452.188.363
152	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		422.588.502	266.149.756
153	3. Tài sản ngắn hạn khác		365.314.500	429.314.500
200	**B| TÀI SẢN DÀI HẠN**		**273.410.503.367**	**136.213.005.415**
210	**I. Tài sản cố định**		**14.222.134.222**	**8.576.494.889**
211	1.Tài sản cố định hữu hình	7	7.722.134.222	6.511.853.206
212	Nguyên giá		32.374.997.225	28.361.387.359
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.652.863.003)	(21.849.534.153)
214	2.Tài sản cố định hữu hình	8	-	2.064.641.683
215	Nguyên giá		-	2.152.579.273
216	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(87.937.590)
217	3.Tài sản cố định hữu hình	9	6.500.000.000	
	Nguyên giá		6.556.057.850	56.057.850
	Giá trị hao mòn lũy kế		(56.057.850)	(56.057.850)
220	**II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**253.133.077.854**	**121.606.510.526**
221	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	10.1	170.145.833.333	50.000.000.000
222	2. Đầu tư ngắn hạn khác	10.2	23.837.143.685	21.606.510.526
223	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	10.3	76.090.000.000	50.000.000.000
224	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	10.4	(16.939.899.164)	
240	**III. Tài sản dài hạn khác**		**6.055.291.291**	**6.030.000.000**
241	1. Ký quỹ bảo hiểm	11	6.000.000.000	6.000.000.000
242	2. Cầm cố, ký quỹ dài hạn		30.954.546	30.000.000
244	3. Chi phí trả trước dài hạn		24.336.745	
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.402.617.205.225**	**1.870.011.453.226**

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
100	**A| NỢ PHẢI TRẢ**		**644.189.880.626**	**1.120.112.997.492**
310	I. Nợ ngắn chặn		**275.157.115.644**	**821.469.334.345**
313	1. Phải trả người bán		186.440.201.763	240.347.597.966

314	2. Người mua trả tiền trước	12	9.798.119.269	8.315.273.924
315	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	14.813.951.634	16.527.238.981
316	4. Phải trả người lao động	14	27.758.733.599	16.305.812.063
318	5. Chi phí phải trả	15	22.072.958.365	19.379.257.044
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		10.089.711.694	519.253.362.416
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.183.439.320	1.340.791.951
330	II. Nợ dài hạn		**-**	**542.138.757**
331	1.Vay dài hạn		-	542.138.757
340	III. Dự phòng nghiệp vụ	18.4.1	**369.032.764.982**	**298.101.524.390**
	1. Dự phòng phí	18.4.2	238.964.521.669	190.128.680.491
	2. Dự phòng bồi thường	18.4.3	74.944.817.505	67.332.841.109
	3. Dự phòng dao động lớn		55.123.425.808	40.640.002.790
400	**B| VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**758.427.324.599**	**749.898.455.734**
410	I. Vốn chủ sở hữu		**758.427.324.599**	**749.898.455.734**
411	1. Vốn đầu tư	16	660.000.000.000	660.000.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.271.699.140	2.271.699.140
414	3. Cổ phiếu quỹ		(6.577.533.810)	(6.215.238.666)
	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.800.187.891	1.800.187.891
416	5. Quỹ dự trữ bắt buộc		9.062.277.776	4.853.369.576
418	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		91.870.693.602	87.188.437.793
430	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.402.617.205.225**	**1.870.011.453.226**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
1	Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	2.293.099.309
2	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm (đồng Việt Nam)	39.202.269.093
3	Ngoại tệ các loại Đô la Mỹ (US$) Euro (EUR)	 281.097,76 287,84

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012
01	**1. Thu phí bảo hiểm gốc**	**17.1**	**670.376.718.737**	623.821.018.508
02	**2. Thu phí nhận tái bảo hiểm**	**17.2**	**83.881.976.126**	65.754.497.203
03	**3. Các khoản giảm trừ**	17.3	**(271.477.927.604)**	**(284.806.075.314)**
04	**Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm**		(265.217.214.654)	(273.632.415.806)
06	Hoàn phí		(6.260.712.950)	(11.173.659.508)
08	**4. Tăng dự phòng phí**	**18.4**	**(48.835.841.178)**	**(30.827.495.640)**
09	5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		77.395.256.58	69.310.834.174
10	6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		18.451.048.467	18.883.405.268
13	Thu hoạt động khác		18.451.048.467	18.883.405.268
14	**7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 + 03 + 08 + 09 + 10)**		**529.791.231.131**	**462.136.184.199**
15	**8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc**	**18.1**	**(254.393.282.386)**	**(353.405.742.630)**
16	**9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**	**18.2**	**(16.774.306.370)**	**(19.575.088.192)**
17	**10. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**18.3**	**113.550.744.894**	**199.830.717.832**
21	**11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 + 17)**		**(157.616.843.862)**	**(173.150.112.990)**
23	**12. Tăng dự phòng bồi thường**	**18.4**	**(7.611.976.396)**	**(2.783.468.469)**
24	**13. Trích dự phòng dao động lớn**	**18.4**	**(14.483.423.018)**	**(12.106.589.819)**
25	**14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**(159.499.304.720)**	**(141.969.890.458)**
27	Chi hoa hồng		(76.111.968.663)	(62.907.172.611)
39	Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm		(19.111.504.064)	(30.911.884.915)
40	Chi phí trực tiếp khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm		(64.275.831.993)	(48.150.832.932)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012
41	**15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 + 23 + 24 + 25)**		**(339.211.547.996)**	**(330.010.061.736)**
42	**16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 14 + 41)**		**190.579.683.135**	**132.126.122.463**
44	**17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	19	**(198.953.844.088)**	**(184.146.111.594)**
45	**18. (Lỗ) thuần kinh doanh bảo hiểm (45 = 42 + 44)**		**(8.374.160.953)**	**(52.019.989.131)**
46	19. Doanh thu hoạt động tài chính	20	159.797.041.103	289.942.921.726
47	20. Chi phí hoạt động tài chính	21	(43.333.646.557)	(139.864.418.193)
	21. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 + 47)		**116.463.394.546**	**150.078.503.533**
52	22. Thu nhập khác	22	821.425.115	839.833.726
53	23. Chi phí khác	22	(303.670.288)	(942.368.569)
54	**24. Lợi nhuận/(lỗ) khác (54 = 52 + 53)**		**517.754.827**	**(102.534.843)**
55	**25. Lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**		**2.230.633.159**	**2.565.097.943**
56	**26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (56 = 45 + 51 + 54 + 55)**		**110.837.621.579**	**100.521.077.502**
60	**27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	23.2	**(26.659.457.570)**	**(21.455.564.893)**
61	**28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 56 + 60)**		**84.178.164.009**	**79.065.512.609**
62	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	**1.295**	**1.199**

Bà **Nguyễn Thị Hoa**	Bà **Lại Ngân Giang**	Ông **Tôn Lâm Tùng**
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán	*Giám đốc Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 13 tháng 03 năm 2013

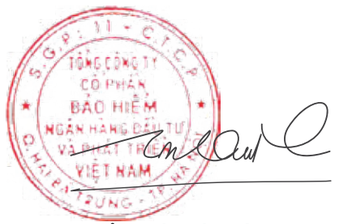
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012
	II| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**110.837.621.579**	**100.521.077.502**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.769.906.918	4.481.835.330
03	Các khoản dự phòng		111.819.928.239	57.397.840.583
04	Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		87.461.428	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(126.614.220.337)	(162.142.137.435)
07	Chi phí lãi vay	21	766.946.046	13.760.361
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**100.667.643.873**	**272.376.341**
09	Giảm các khoản phải thu		76.337.380.911	487.830.431.702
11	(Tăng) các khoản phải trả		(72.846.154.846)	81.581.700.434
12	(Tăng) chi phí trả trước		(180.775.491)	5.691.027.526
13	Chi phí lãi vay đã trả		(766.946.046)	(13.760.361)
14	Thuế thu nhập DN đã nộp		(27.257.237.657)	(15.967.404.693)
15	Tăng phải thu từ các hoạt động khác		(11.435.387.880)	(4.158.062.751)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**64.518.522.864**	**555.236.308.198**
	II| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.522.289.281)	(2.947.334.665)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2012
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.493.536	-
25	Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác			(806.814.166.901)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		2.510.265.876.483	94.977.681.351
27	Tiền thu từ các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn		-	-
28	Thu lãi tiền gửi		126.612.726.801	162.142.137.435
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.299.523.330)**	**(552.641.682.780)**
	III| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Mua cổ phiếu quỹ	16	(362.295.144)	(6.215.238.666)
	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(542.138.757)	-
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(64.923.388.000)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(65.827.821.901)**	**(6.215.238.666)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(2.608.822.367)**	**(3.620.613.248)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**17.800.852.232**	**21.421.465.480**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi**		**15.896**	**-**
70	**Tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**	4	**15.192.045.761**	**17.800.852.232**



Bà **Nguyễn Thị Hoa**	Bà **Lại Ngân Giang**	Ông **Tôn Lâm Tùng**
Chuyên viên *Ban Tài chính Kế toán*	*Giám đốc* *Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 13 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV – là một công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài nhà nước là **11.682.491**, chiếm **17,7%** vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty	**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**
Địa chỉ	Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng tham gia vào hợp đồng liên doanh với các đối tác tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 146/BKH/ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008 để thành lập ra Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt, trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% tổng vốn điều lệ, tương đương 1.530.000 USD. Tổng Công ty kế thừa khoản đầu tư liên doanh này từ Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Tổng Công ty là 660 tỷ đồng. Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 660 tỷ đồng *(ngày 31 tháng 12 năm 2011: 660 tỷ đồng)*.

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 16, Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có hai mươi mốt (21) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 589 người *(ngày 31 tháng 12 năm 2011: 550 người)*.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty là 84.178.164.009 đồng Việt Nam *(cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm)* 2011: lợi nhuận thuần sau thuế là 79.065.512.609 đồng Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Lâm Tùng, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ban hành ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài Chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa cũng không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Nhật ký sổ cái.

2.3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam [VNĐ].

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

3.1.1 Áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo qui định của Thông tư này, riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính đến 31/12/2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp mà không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng.

Theo đó, Tổng Công ty đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm. Đồng thời, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các qui định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua.

3.1.2 Áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") như trong các năm trước, Tổng Công ty bắt đầu thực hiện Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ/USD theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản. Trong năm 2011, Tổng Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Theo đó, Tổng Công ty đã tiến hành ghi nhận các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3.2 Trình bày và thuyết minh về các công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Tổng Công ty chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan khác như được trình bày theo thuyết minh số 30 để trình bày các thuyết minh bổ sung về công cụ tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	**50%**
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	**70%**
Trên ba (03) năm	**100%**

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.
Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Nhà cửa, vật kiến trúc	**8 - 25 năm**
Thiết bị, dụng cụ quản lý	**3 - 7 năm**
Phương tiện vận tải	**6 - 10 năm**
Tài sản cố định hữu hình khác	**5 năm**
Phần mềm	**3 - 5 năm**
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	**Không khấu hao**

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong nămĐịnh kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư tài chính

3.11.1 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán nợ và chứng khoán vốn. Đầu tư chứng khoán được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn như sau:

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ dưới một năm.

Đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty dự định nắm giữ trên một năm.

Tất cả các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá đều phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11.2 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Tổng Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Tổng Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Đầu tư vào liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên doanh, liên kết là công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được cấn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Lợi ích nhân viên

3.14.1 Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Tổng Công ty đã nghỉ hưu. Tổng Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội ở mức 17% lương cơ bản của nhân viên. Ngoài khoản đóng góp này, Tổng Công ty không còn nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí đối với nhân viên của mình.

3.14.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Tổng Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.
Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Tổng Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Tổng Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, hàng năm Tổng Công ty phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2012, Tổng Công ty đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm theo qui định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Đồng thời, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ theo các qui định của Luật Lao động và mức độ chi trả trợ cấp thôi việc trong các năm qua.

3.14.3 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp. (Xem chi tiết tại thuyết minh 3.1.1).

3.15 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty áp dụng phương pháp từng ngày để tính phí bảo hiểm chưa được hưởng cho tất cả các loại hình bảo hiểm theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại * Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

Dự phòng bồi thường

- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.
  - *Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và*
  - *Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.*

Dự phòng dao động lớ*n*

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo qui định tại Thông tư 125/2012/TT-BTCngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 3% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố - BIDV. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo nghị định 46/2007/ND-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài Chính.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") do Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với

doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm và (3) Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Tổng Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Tổng Công ty.

3.20 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Chi phí hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124/2010/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành.

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.21 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định
Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- *Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;*
- *Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và*
  Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường



hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

3.24 Các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

Theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, những hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực mà được hạch toán theo dõi ngoại bảng.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt tại quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Trong đó:	405.322.679	605.026.144
VNĐ	405.322.679	605.026.144
Tiền gửi ngân hàng	14.786.723.082	17.056.226.088
Trong đó:	8.924.383.461	15.495.132.306
VNĐ	5.862.339.621	1.561.093.782
Ngoại tệ	-	139.600.000
Tiền đang chuyển	**15.192.045.761**	**17.800.852.232**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		Ngày 31/ 12/ 2012 VNĐ	Ngày 31/ 12/ 2012 VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		97.059.200.387	143.889.012.493
Cổ phiếu niêm yết		35.349.293.751	36.340.585.857
Cổ phiếu chưa niêm yết		34.709.906.636	37.758.426.636
Trái phiếu công ty	5.1	27.000.000.000	69.790.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		815.828.000.000	1.279.073.200.000
Tiền gửi có kỳ hạn - VNĐ		795.000.000.000	1.239.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - đô la Mỹ		20.828.000.000	39.573.200.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(12.797.286.351)	(22.353.465.953)
Giá trị thuần của đầu tư ngắn hạn		**900.089.914.036**	**1.400.608.746.540**

5.1 Trái phiếu doanh nghiệp

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Ngày 31/ 12/ 2012 VNĐ
Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam		**14%**	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Long Hậu		**16%**	20.000.000.000
			27.000.000.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31/ 12/ 2012 VNĐ	Ngày 31/ 12/ 2012 VNĐ
Phải thu của khách hàng	**204.563.928.648**	**276.526.039.044**
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	45.816.539.578	36.001.583.408
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	32.705.945.259	34.781.663.514
Các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm	84.875.444.853	161.303.123.563
Phải thu về những khiếu nại đã giải quyết	41.709.311.055	113.069.955.594
Phải thu về hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	43.166.133.798	48.233.167.969
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính	37.440.146.577	40.188.052.474
Phải thu khác	3.725.852.381	4.251.616.085
Trả trước cho người bán	1.309.652.500	678.042.882
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.858.667.634	7.994.634.946
Phải thu khác	6.646.422.296	32.375.581.984
Tổng cộng các khoản phải thu	**218.378.671.078**	**317.574.298.856**
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(10.395.411.406)	(6.333.102.436)
Phải thu thương mại và phải thu khác thuần	**207.983.259.672**	**311.241.196.420**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Phương tiện, vận tải VNĐ	TSCĐ khá VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá	-				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	2.300.000.000	6.055.249.864	22.080.299.476	225.838.019	**28.361.387.359**
Tăng trong năm	**2.300.000.000**	611.598.363	2.152.579.273	110.690.918	**5.174.868.554**
Mua mới (*), (**)	2.300.000.000	611.598.363	2.152.579.273	110.690.918	**5.174.868.554**
Tăng khác	-	-	-	-	**-**
Giảm trong năm	-	(46.708.688)	(1.114.550.000)	-	**(1.161.258.688)**
Thanh lý, nhượng bán	2.300.000.000	(46.708.688)	(1.114.550.000)	-	**(1.161.258.688)**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.300.000.000	6.620.139.539	23.118.328.749	336.528.937	**32.374.997.225**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	-	(5.156.101.238)	(16.568.556.343)	(124.876.572)	**(21.849.534.153)**
Khấu hao trong năm	**(78.728.030)**	(583.642.470)	(2.715.889.734)	(52.468.517)	**(3.430.728.751)**
Tăng khác	-	-	(433.685.268)	-	**(433.685.268)**
Giảm khác	-	51.441.949	1.007.806.970	1.836.250	**1.061.085.169**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**(78.728.030)**	(5.688.301.759)	(18.710.324.375)	(175.508.839)	**(24.652.863.003)**
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	-	899.148.626	5.511.743.133	100.961.447	**6.511.853.206**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**2.221.271.970**	931.837.780	4.408.004.374	161.020.098	**7.722.134.222**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1/1/ 2012	2.152.579.273	**2.152.579.273**
Tăng trong năm	-	**-**
Chuyển sang tài sản cố định (*)	(2.152.579.273)	**(2.152.579.273)**
Số dư tại ngày 31/12/2012	-	**-**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1/1/2012	(87.937.590)	**(87.937.590)**
Tăng trong năm	(339.178.167)	**(339.178.167)**
Giảm trong năm	427.115.757	**427.115.757**
Số dư tại ngày 31/12/ 2012	-	**-**
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1/1/2012	2.064.641.683	**2.064.641.683**
Số dư tại ngày 31/12/2012	-	**-**

(*) Trong năm, toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính được Tổng Công ty mua lại và chuyển sang tài sản cố định hữu hình.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phương tiện vận tải (VNĐ)	Quyền sử dụng đất (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1/1/2012	56.057.850	-	**56.057.850**
Tăng trong năm (**)	-	6.500.000.000	**6.500.000.000**
Giảm trong năm	-	-	**-**
Số dư tại ngày 31/12/ 2012	56.057.850	6.500.000.000	**6.556.057.850**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1/1/2012	(56.057.850)	-	**(56.057.850)**
Khấu hao trong năm	-	-	**-**
Giảm trong năm	-	-	**-**
Số dư tại ngày 31/12/2012	(56.057.850)	-	**(56.057.850)**
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1/1/2012	-	-	**-**
Số dư tại ngày 31/12/2012	-	6.500.000.000	**6.500.000.000**

(**) Trong năm, Công ty bảo hiểm BIDV Miền Đông tiến hành mua mới khu đất tại số 04-05 tổ 23, khu phố 3, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai làm trụ sở chính với tổng giá trị là 8,8 tỷ đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn là 6,5 tỷ đồng và giá trị tài sản trên đất là 2,3 tỷ đồng.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Ngày 31/12/2012 VNĐ	Ngày 31/12/2011 VNĐ
1.Đầu tư chứng khoán dài hạn		170.145.833.333	**50.000.000.000**
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10.1	23.837.143.685	**21.606.510.526**
3. Đầu tư dài hạn khác	10.2	76.090.000.000	**50.000.000.000**
Tổng đầu tư tài chính dài hạn		270.072.977.018	**121.606.510.526**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(16.939.899.164)	**-**
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	10.3	253.133.077.854	
	10.4		**121.606.510.526**

10.1 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu, chi tiết như sau:

	Kỳ hạn	Lãi suất (Năm)	Ngày 31/12/2012 (VNĐ)
Công ty TNHH Xây dựng – Sản xuất – Thương mại Tài Nguyên	2 năm	15,30%	**30.000.000.000**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư	2 năm	18,00%	**40.000.000.000**
Công ty mẹ – Tập đoàn phát triển nhà và đô thị	3 năm	14,50%	**50.000.000.000**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 năm	12,50%	**50.145.833.333**
			170.145.833.333

10.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đây là các khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Lào Việt. Chi tiết như sau:

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 146/BKH/ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, Tổng Công ty đã tham gia vào một liên doanh tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào để thành lập ra Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt ("Công ty Liên doanh") trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% tổng số vốn điều lệ. Thời gian hoạt động của Dự án là 50 năm.

Tổng Công ty hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận/ lỗ của Công ty Liên doanh trên cơ sở tỷ lệ vốn góp. Chi tiết biến động của khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2012 (VNĐ)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	21.606.510.526
Phần chia lãi trong công ty liên doanh, liên kết đang được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	2.230.633.159
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**23.837.143.685**

10.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

	% Sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Đơn giá gốc	Số tiền - VNĐ
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	4,28%	1.000.000	26.090	**26.090.000.000**
Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex - Viettel	5%	5.000.000	10.000	**50.000.000.000**
		6.000.000		**76.090.000.000**

10.4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Đây là khoản dự phòng trích lập cho Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh. Chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Tại ngày 31/12/2011 (VNĐ)
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	(16.939.899.164)	
Tổng dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(16.939.899.164)	

11. KÝ QUỸ BẢO HIỂM

Theo quy định, Tổng Công ty đã duy trì một khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tương ứng với 2% vốn pháp định.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Ngày 31/12/2011 (VNĐ)
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	12.791.747.413	10.778.090.352
Phải trả nhận tái bảo hiểm	12.907.267.659	18.777.857.875
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	159.502.884.398	206.992.815.276
Phải trả khác	1.238.302.293	3.798.834.463
	186.440.201.763	**240.347.597.966**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

		Phát sinh trong kỳ		
	Ngày 31/12/2011 VND	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Ngày 31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.947.276.040	37.853.563.324	39.116.254.431	39.116.254.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.565.800.406	26.659.457.570	27.257.237.657	27.257.237.657
Thuế khác	3.014.162.535	10.944.274.654	10.797.090.807	10.797.090.807
	16.527.238.981	**75.457.295.548**	**77.170.582.895**	**77.170.582.895**

14. CHÍ PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Ngày 31/12/2011 (VNĐ)
Phí bảo hiểm phải trả cho hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	4.500.000.000	3.570.023.340
Phí phục hồi hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL) phải trả	9.581.169.909	13.379.948.508
Chí phí đóng cháy nổ bắt buộc và TNDS xe cơ giới phải nộp	1.222.000.000	864.151.660
Các chi phí phải trả khác (*)	6.769.788.456	1.565.133.536
	22.072.958.365	**19.379.257.044**

(*) Chi phí phải trả khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả cho quảng cáo, đào tạo, thuê nhà và chi phí kiểm toán

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Ngày 31/12/2011 (VNĐ)
Phải trả về nhận ủy thác đầu tư	-	501.001.194.444
Phải trả gốc ủy thác	-	480.000.000.000
Phải trả lãi ủy thác	-	21.001.194.444
Phải trả khác	10.089.711.694	18.252.167.972
	10.089.711.694	**519.253.362.416**



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn ĐT của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận giữ lại (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	-	-	**18.001.878.910**	**680.273.578.050**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	79.065.512.609	79.065.512.609
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2010	-	-	-	1.800.187.891	(2.700.281.837)	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	(3.953.275.630)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(6.215.238.666)	-	-	(6.215.238.666)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.996.896.259)	(2.996.896.259)
Chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(228.500.000)	(228.500.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.215.238.666)**	**1.800.187.891**	87.188.437.793	**749.898.455.734**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.215.238.666)**	**1.800.187.891**	**87.188.437.793**	**749.898.455.734**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	**84.178.164.009**	84.178.164.009
Chi cổ tức cho năm 2011	-	-	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	(4.208.908.200)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(362.295.144)	-	-	(362.295.144)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(287.000.000)	(287.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.577.533.810)**	**1.800.187.891**	**91.870.693.602**	**758.427.324.599**

17. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

17.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	65.830.887.659	35.234.630.824
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	173.653.971.966	235.361.269.821
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	33.466.369.392	31.283.138.802
Bảo hiểm xe cơ giới	244.023.989.220	183.216.500.520
Bảo hiểm cháy nổ	80.629.290.423	62.026.311.787
Bảo hiểm trách nhiệm	3.690.943.159	4.598.996.599
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1.475.864.157	2.101.819.296
Bảo hiểm Hàng không	6.045.645.978	21.407.806.093
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	51.153.175.891	48.384.206.256
Bảo hiểm rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	10.406.580.892	206.338.510
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
	670.376.718.737	**623.821.018.508**

17.2 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	573.050.865	604.607.716
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	64.127.928.152	49.506.400.644
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	3.903.840.963	1.695.354.806
Bảo hiểm xe cơ giới	2.875.858.971	3.585.412.384
Bảo hiểm cháy nổ	4.827.909.601	2.954.868.510
Bảo hiểm trách nhiệm	584.287.882	1.504.368.505
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	992.444.521	2.499.492.174
Bảo hiểm Hàng không	4.846.787.627	1.902.519.219
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	836.204.637	1.460.276.726
Bảo hiểm rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	-	41.196.519
Bảo hiểm nông nghiệp	313.662.907	-
	83.881.976.126	**65.754.497.203**

17.3 Phí nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	726.634.202	309.870.339
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	137.537.006.320	152.407.740.381
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	23.251.954.020	22.060.123.896
Bảo hiểm xe cơ giới	2.070.421.348	2.434.622.043
Bảo hiểm cháy nổ	47.493.997.250	35.539.729.739
Bảo hiểm trách nhiệm	1.755.566.551	2.338.509.128
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	2.244.894.358	2.000.000.000
Bảo hiểm hàng không	2.423.513.011	20.827.310.794
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	38.352.427.274	35.610.753.133
Bảo hiểm rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	9.360.800.320	103.756.353
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
	265.217.214.654	**273.632.415.806**

18. CHI TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

18.1 Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	14.524.498.224	12.407.445.821
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	45.412.515.357	69.424.717.404
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	23.971.485.150	28.761.544.250
Bảo hiểm xe cơ giới	102.909.404.834	103.373.380.269
Bảo hiểm cháy nổ	44.577.160.972	49.248.032.829
Bảo hiểm trách nhiệm	520.079.331	340.067.693
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	2.486.216.480	16.579.080.256
Bảo hiểm hàng không	320.863.102	-
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	19.646.375.890	73.271.474.108
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	24.683.046	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
	254.393.282.386	**353.405.742.630**

18.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	352.223.791	20.768.969
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	9.418.703.643	55.839.115.418
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	118.797.242	26.317.142.034
Bảo hiểm xe cơ giới	881.584.463	2.553.170.985
Bảo hiểm cháy nổ	5.791.035.410	38.463.163.051
Bảo hiểm trách nhiệm	-	280.270.745
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	14.758.606.750
Bảo hiểm hàng không	80.399.468	-
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	70.917.908	61.598.479.880
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm nông nghiệp	60.644.445	-
	16.774.306.370	**199.830.717.832**

18.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	14.032.521	20.768.969
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	30.635.207.680	55.839.115.418
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	21.470.353.729	26.317.142.034
Bảo hiểm xe cơ giới	479.784.512	2.553.170.985
Bảo hiểm cháy nổ	42.588.824.164	38.463.163.051
Bảo hiểm trách nhiệm	245.765.583	280.270.745
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	2.263.529.040	14.758.606.750
Bảo hiểm hàng không	338.256.433	-
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	15.514.991.232	61.598.479.880
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
	113.550.744.894	**199.830.717.832**

18.4 Dự phòng nghiệp vụ

18.4.1 Dự phòng phí bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	32.993.599.336	19.611.065.254
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	46.235.618.015	48.083.564.033
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	1.011.086.828	863.618.110
Bảo hiểm xe cơ giới	131.038.393.223	100.845.304.144
Bảo hiểm cháy nổ	17.149.739.258	14.612.793.093
Bảo hiểm trách nhiệm	1.943.487.540	2.224.586.165
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	57.946.562	59.364.902
Bảo hiểm hàng không	5.705.064.922	186.694.172
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	2.684.337.224	3.571.013.100
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	145.248.761	70.677.518
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
	238.964.521.669	**190.128.680.491**

Chi phí dự phòng phí chưa được hưởng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là **48.835.841.178** đồng Việt Nam.

18.4.2 Dự phòng bồi thường

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	10.933.364.048	9.832.641.896
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	7.418.799.980	22.497.554.072
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	1.801.404.895	663.329.477
Bảo hiểm xe cơ giới	15.893.584.989	15.060.743.454
Bảo hiểm cháy nổ	34.063.646.203	10.790.035.352
Bảo hiểm trách nhiệm	578.482.638	301.994.202
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	300.474.078	558.096.939
Bảo hiểm hàng không	24.990.225	24.965.864
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	3.196.060.199	6.839.469.603
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	734.010.250	764.010.250
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
	74.944.817.505	**67.332.841.109**

Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng này được trích ở mức 215.707.887.638 đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 162.054.255.333 đồng Việt Nam.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 21.291.185.200 đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Phần dự phòng bồi thường tăng trong kỳ, trị giá 7.611.976.396 đồng Việt Nam, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuần, tức là sau khi trừ đi phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm.

18.4.3 Dự phòng dao động lớn

Chi tiết về các khoản dự phòng dao động lớn đã được trích lập đến 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Loại hình bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Bảo hiểm sức khỏe và BH tai nạn con người	6.590.154.920	4.622.801.189
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	12.753.621.173	9.811.665.898
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	1.683.681.578	1.269.072.038
Bảo hiểm xe cơ giới	27.044.321.679	19.755.625.277
Bảo hiểm cháy nổ	4.321.212.741	3.213.505.817
Bảo hiểm trách nhiệm	459.963.503	385.003.568
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	51.819.434	46.703.187
Bảo hiểm hàng không	268.546.944	14.479.326
Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	1.660.309.225	1.271.092.874
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	280.384.724	250.053.616
Bảo hiểm nông nghiệp	9.409.887	-
	55.123.425.808	**40.640.002.790**

Dự phòng dao động lớn trích vào chi phí của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là **14.483.423.018** đồng Việt Nam.

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 (VNĐ)
Chi phí nhân viên	117.694.210.350	104.835.291.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.769.906.918	4.292.244.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.427.462.242	55.962.726.387
Chi phí khác bằng tiền	19.062.264.578	19.055.849.483
	198.953.844.088	**184.146.111.594**

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 (VNĐ)
Lãi tiền gửi ngân hàng	131.664.955.429	204.261.131.686
Thu lãi đầu tư trái phiếu	20.215.132.683	24.529.089.003
Cổ tức được chia	2.513.434.880	14.117.739.189
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.560.585.716	29.447.519.819
	1.842.707.236	16.521.390.438
	225.159	1.066.051.591
	159.797.041.103	**289.942.921.726**

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 (VNĐ)
Chi phí lãi vay	766.946.046	13.760.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.328.619.205	23.728.294.707
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	3.067.528.933	3.383.295.170
Chi phí lãi trả cho hoạt động nhận ủy thác đầu tư	27.213.850.001	102.046.461.109
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.572.982.810	164.938.203
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	7.383.719.562	10.527.668.643
	43.333.646.557	**139.864.418.193**

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (VNĐ)
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản	113.596.295	403.636
Thu khác	707.828.820	839.430.090
	821.425.115	**839.833.726**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(45.193.059)	(1.246)
Chi khác	(258.477.229)	(942.367.323)
	(303.670.288)	**(942.368.569)**
Thu nhập khác thuần	**517.754.827**	**(102.534.843)**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.659.457.570	21.455.564.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**26.659.457.570**	**21.455.564.893**

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế cho năm 2012 được trình bày dưới đây:

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	**110.837.621.579**	**100.521.077.502**
Các khoản điều chỉnh tăng	**544.276.741**	**1.276.072.417**
Chi phí không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế	544.276.741	1.276.072.417
Các khoản điều chỉnh giảm	**(4.744.068.039)**	**(16.682.837.132)**
Thu lãi cổ tức	(2.513.434.880)	(14.117.739.189)
Phần lãi từ công ty liên doanh, liên kết	(2.230.633.159)	(2.565.097.943)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**106.637.830.281**	**85.114.312.787**
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính năm hiện hành	26.659.457.570	21.278.578.197
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp năm trước	-	176.986.696
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**26.659.457.570**	**21.455.564.893**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu kì	5.565.800.406	77.640.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(27.257.237.657)	(15.967.404.693)
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải trả cuối năm	**4.968.020.319**	**5.565.800.406**

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	68.683.701.079
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	100.030.032.582
		Doanh thu lãi trái phiếu	2.602.739.726
		Chi phí nhận ủy thác đầu tư	8.539.388.889
		Chi phí thuê VP	8.377.356.746
		Chi phí lãi vay	652.785.986
		Chi phí bồi thường	2.431.826.085
		Chi phí hoa hồng	9.854.054.884
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Một thành viên BIDV	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	102.081.763
		Chi phí lãi thuê tài chính	95.998.985
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	2.955.785.994
		Chi phí nhận ủy thác đầu tư	18.156.155.556
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào - Việt	Công ty liên doanh	Doanh thu phí bảo hiểm nhận tái	26.033.336.359

Các khoản phải thu và phải trả các công ty liên quan của Tổng CT tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Diễn giải	Khoản phải thu	Khoản phải trả
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)	**Công ty mẹ**	Số dư tiền gửi thanh toán	68.683.701.079	
		Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	100.030.032.582	
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	21.837.636.112	-
		Trái phiếu BIDV	50.145.833.330	-
		Phải thu lãi trái phiếu BIDV	2.602.739.726	-
		Ký quỹ bảo hiểm tại BIDV	6.000.000.000	-
		Phải thu phí bảo hiểm	10.753.115.619	
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm	-	2.258.110.146
		Phải trả bồi thường bảo hiểm	-	189.842.033
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cam-puchia (BIDC)	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Tiền gửi có kỳ hạn	57.000.000.000	-
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.791.291.667	-
		Tổng	**791.471.796.069**	**2.447.952.179**

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (VNĐ)
Lương và thưởng	2.916.029.570	2.362.692.600
Các khoản trợ cấp khác	455.000.000	587.411.827
	3.371.029.570	**2.950.104.427**

Ngoài lương và thưởng, Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.

25. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận, tại đoạn 09 các bộ phận cần phải lập báo cáo được định nghĩa như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác;

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo bản chất hoạt động kinh doanh của BIC, mặc dù, Tổng Công ty có các công ty thành viên trên toàn quốc nhưng các công ty thành viên này đều hoạt động kinh doanh trên một lĩnh vực là bảo hiểm phi nhân thọ, cung cấp cùng một loại hình sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ được thiết kế theo qui chuẩn chung của Tổng Công ty và chịu các rủi ro tương tự nhau. Hơn nữa, tuy các công ty thành viên này nằm trên một số địa bàn thuộc các tỉnh thành khác nhau trên toàn quốc nhưng sự phân chia địa lý mang tính tương đối để thuận tiện hơn trong quá trình chăm sóc khách hàng, khai thác dịch vụ và phạm vi cung cấp dịch vụ của mỗi đơn vị thành viên không bị giới hạn bởi sự phân chia địa lý này. Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV không có các bộ phận cần phải lập và trình bày thông tin trong các báo cáo tài chính theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 28.

26. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Thuế nhà thầu

Cho giai đoạn từ năm 2005 đến 2008, Tổng Công ty chưa thực hiện giữ lại các khoản thuế nhà thầu có thể phát sinh từ các khoản thanh toán phí bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm nước ngoài đến từ những nước chưa ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Tổng Công ty hiện không trích lập dự phòng cho các nghĩa vụ thuế tiềm tàng có thể phát sinh này cho giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2008. Rủi ro thuế tiềm tàng là 1,6 tỷ đồng Việt Nam.

Năm 2009, Tổng Công ty đã trích lập đầy đủ khoản dự phòng cho nghĩa vụ thuế nhà thầu có thể phát sinh đối với phí nhượng tái ra nước ngoài. Tuy nhiên, cho giai đoạn từ năm 2010 đến nay, Tổng Công ty chỉ giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái cư trú tại quốc gia không có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam hoặc cư trú tại quốc gia có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam mà chưa gửi hồ sơ hợp lệ liên quan cho cơ quan thuế.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	84.178.164.009	79.065.512.609
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (đơn vị)	65.002.312	65.919.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.295	1.199

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

28.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và các ủy ban. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

28.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

28.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty và tại Việt Nam và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong những Quyết định và Thông tư của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VNĐ)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VNĐ)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31/12 /2012	696.054	120.695	577%
Ngày 31/12 /2011	648.081	101.192	640%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

28.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối và tập trung vào sản phẩm có hiệu quả cao nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

28.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

29. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

29.1 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và các ủy ban. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết: được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, theo quy định của Thông tư số 125/2012/TT-BTC; và

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).

Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liền tiếp	X	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	X	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	X	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liền tiếp				Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước		gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối sản phẩm và lựa chon các sản phẩm có rủi ro thấp, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

29.2 Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.
Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

29.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và trái phiếu công ty của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Tổng Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Tổng Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Tổng Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.
Trong năm, tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ đã biến động trong khoảng từ 20.800 đến 21.031 VNĐ/USD.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa USD và VNĐ được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

Biến số tăng/(giảm)	Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thu (VNĐ)	Ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu (VNĐ)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
+10%	(5.379.875.132)	(4.034.906.349)
-10%	5.379.875.132	4.034.906.349
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.490.216.849	1.117.662.637
+10%	(1.490.216.849)	(1.117.662.637)
-10%		

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty là 35.349.293.751 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 25.969.792.000 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng (2.994.964.679) đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: (2.176.101.200) đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sẽ tăng lên khoảng 2.190.154.861 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.176.101.200 đồng Việt Nam).

29.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, cũng như xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31/12/2012.

	Quá hạn nhưng không suy giảm		Quá hạn và bị suy giảm		Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	< 90 ngày	91–180	181–360	> 360	
Tại ngày 31/12 /2012		ngày	ngày	ngày	
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	29.949				8.895
Phải thu từ hoạt động tài chính	-	2.772	3.404	8.921	1.500
	29.949	-	-	3.000	10.395
Tổng		**2.772**	**3.404**	**11.921**	
Tại ngày 31/12/ 2011	21.145				6.333
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	-	5.627	2.117	7.113	-
Phải thu từ hoạt động tài chính	21.145	3.016	-	-	6.333
Tổng		**8.643**	**2.117**	**7.113**	

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của *Thông tư số 228/2009/TT-BTC* của Bộ Tài chính *ngày 7 tháng 12 năm 2009*

29.2.3 Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản của các quỹ này và đưa ra các khoản phạt vì chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và các điều khoản điều chỉnh thị trường để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền mặt ngoài dự tính.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
Ngày 31/12/2012				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	12.791.747.413	-	-	12.791.747.413
Phải trả về tái bảo hiểm	5.280.607.716	167.129.544.341	-	172.410.152.057
Chi phí trả trước	22.072.958.365	-	-	22.072.958.365
Các khoản phải trả khác	67.882.257.809	-	-	67.882.257.809
	108.027.571.303	**167.129.544.341**	**-**	**275.157.115.644**

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
Ngày 31/12/2012				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ khác	-	90.861.243	542.138.757	633.000.000
Phải trả về bảo hiểm	10.778.090.352	-	-	10.778.090.352
Phải trả về tái bảo hiểm	11.665.289.698	214.105.383.452	-	225.770.673.150
Chi phí trả trước	19.379.257.044	-	-	19.379.257.044
Các khoản phải trả khác	64.449.258.112	501.001.194.444	-	565.450.452.556
	106.271.895.206	**715.197.439.139**	**542.138.757**	**822.011.473.102**

30. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2012. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh số 30 trên các báo cáo tài chính. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**
  Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - *Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:*
  - *Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;*
  - *Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc*
  - *Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).*

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**
  Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
  - *Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;*
  - *Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;*
  - *Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu*

- **Các khoản cho vay và phải thu:**
  Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:
  - *Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;*
  - *Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc*
  - *Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.*

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**
  Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
  - *các khoản cho vay và các khoản phải thu;*
  - *các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;*
  - *các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
  Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - *Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;*
  - *Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc*
  - *Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).*

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**
  Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2012 VNĐ	Ngày 31/12/2011 VNĐ	Ngày 31/12/2012 VNĐ	Ngày 31/12/2011 VNĐ
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	633.000.000	-	633.000.000
Phải trả người bán	183.992.249.585	240.347.597.966	183.992.249.585	240.347.597.966
Phải trả cho các bên có liên quan	2.447.952.178	421.001.194.444	2.447.952.178	421.001.194.444
Chi phí phải trả	22.072.958.365	19.379.257.044	22.072.958.365	19.379.257.044
Phải trả khác	66.643.955.516	140.650.423.648	66.643.955.516	140.650.423.648
Tổng cộng	**275.157.115.644**	**822.011.473.102**	**275.157.115.644**	**822.011.473.102**

(*) Đối với các khoản mục này, do không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cố phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCom được xác định dựa trên giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/ 12/2012		Ngày 31/ 12/2011		Ngày 31/ 12/2012	
	Nguyên giá VNĐ	Dự phòng VNĐ	Nguyên giá VNĐ	Dự phòng VNĐ	Nguyên giá VNĐ	Dự phòng VNĐ
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	**35.349.293.754**	**(4.197.954.161)**	**36.340.585.857**	**(11.346.576.697)**	**31.151.339.593**	**24.994.009.160**
Cố phiếu niêm yết	35.349.293.754	(4.197.954.161)	36.340.585.857	(11.346.576.697)	31.151.339.593	24.994.009.160
Các khoản cho vay và phải thu	1.237.352.504.40 81.237.352.504.408	(10.395.411.406)	1.716.437.498.856	(6.333.102.436)	1.226.957.093.002	1.710.104.396.420
Phải thu khách hàng	167.579.145.524	(8.895.411.406)	272.186.073.448	(6.333.102.436)	158.683.734.118	265.852.971.012
Phải thu các bên liên quan	36.984.783.124	-	4.339.965.596	-	36.984.783.124	4.339.965.596
Phải thu khác	13.814.742.430	(1.500.000.000)	41.048.259.812	-	12.314.742.430	41.048.259.812
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	197.145.833.330	-	119.790.000.000	-	197.145.833.330	119.790.000.000
Tiền gửi ngắn hạn	821.828.000.000	-	1.279.073.200.000	-	821.828.000.000	1.279.073.200.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	**34.709.906.636**	**(8.599.332.190)**	**37.758.426.636**	**(11.006.889.256)**	**26.110.574.446**	**26.751.537.380**
Cố phiếu chưa niêm yết	5.438.143.000	(161.999.999)	8.486.663.000	(963.040.000)	5.276.143.001	7.523.623.000
Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu từ Tài chính BIDV (*)	29.271.763.636	(8.437.332.191)	29.271.763.636	(10.043.849.256)	20.834.431.445	19.227.914.380
Đầu tư dài hạn khác	**99.927.143.685**	**(16.939.899.164)**	**50.000.000.000**	**-**	**82.987.244.521**	**50.000.000.000**
Khoản đầu từ và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Khoản đầu tư liên doanh liên kết vào Công ty Bảo hiểm Lào Việt	23.837.143.685	-	-	-	23.837.143.685	-
Khoản đầu từ vào Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh (*)	26.090.000.000	(16.939.899.164)	-	-	9.150.100.836	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	**15.192.045.761**	-	**17.800.852.231**	-	**15.192.045.761**	**17.800.852.232**
Tổng cộng	**1.422.530.894.244**	**(40.132.596.921)**	**1.858.337.363.580**	**(28.686.568.389)**	**1.382.398.297.323**	**1.829.650.795.192**

31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính ngoài các thông tin đã được thuyết minh (nếu có) trong các báo cáo tài chính đính kèm.

32. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 13 tháng 03 năm 2013.

Bà **Nguyễn Thị Hoa**	Bà **Lại Ngân Giang**	Ông **Tôn Lâm Tùng**
Chuyên viên *Ban Tài chính Kế toán*	*Giám đốc* *Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 13 tháng 03 năm 2013

MẠNG LƯỚI

1| BIC HÀ NỘI
773 Hồng Hà, Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội
Tel: (04) 3 923 8888 - **Fax:** (04) 3 923 8077
Email: bic.hn@bidv.com.vn

2| BIC THĂNG LONG
Tầng 6, số 197, đường Quang Trung,
Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: (04) 3 311 7061 - **Fax:** (04) 3 355 0226
Email: bic.thn@bidv.com.vn

3| BIC ĐÔNG BẮC
Số 1, Nguyễn Đăng Đạo, TP. Bắc Ninh.
Tel: (0241) 6 250 038 - **Fax:** (0241) 6 250 039
Email: bic.thn@bidv.com.vn

4| BIC TÂY BẮC
Số 1, đường Lý Bôn, P. Ngô Quyền,
TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Tel: (0211) 6 252 526 - **Fax:** (0211) 6 252 566
Email: bic.tb@bidv.com.vn

5| BIC THÁI NGUYÊN
Tầng 7, số 653 Lương Ngọc Quyến,
TP. Thái Nguyên
Tel: (0280) 3 656 858 - **Fax:** (0280) 3 656 838
Email: bic.thainguyen@bidv.com.vn

6| BIC HẢI PHÒNG
Số 8 Bến Đính, TP. Hải Phòng
Tel: (031) 374 7373 - **Fax:** (031) 374 7727
Email: bic.hp@bidv.com.vn

7| BIC HẢI DƯƠNG
Tầng 3, 115 Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương
Tel: (0320) 3 837 779 - **Fax:** (0320) 3 837 778
Email: bic.hd@bidv.com.vn

8| BIC QUẢNG NINH
Tầng 5, tòa nhà BIDV, tổ 6, khu 6,
Cái Lân, P. Giếng Đáy, TP. Hạ Long
Tel: (033) 3 518 338 - **Fax:** (033) 3 518 118
Email: bic.qn@bidv.com.vn

9| BIC BẮC BỘ
92 C Hùng Vương
TP. Nam Định, Nam Định
Tel: (0350) 3630 396 - **Fax:** (0350) 3649 947
Email: bic.bb@bidv.com.vn

10| BIC BẮC TRUNG BỘ
216 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An
Tel: (038) 3 592 887 - **Fax:** (038) 3 592 878
Email: bic.na@bidv.com.vn

11| BIC ĐÀ NẴNG
40-42 Hùng Vương,
Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0511) 3 865 803 - **Fax:** (0511) 3 865 804
Email: bic.dn@bidv.com.vn

12| BIC BÌNH ĐỊNH
72 Lê Duẩn, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Tel: (056) 3 520 080 - **Fax:** (056) 3 520 089
Email: bic.bd@bidv.com.vn

13| BIC KHÁNH HÒA
Tầng 6, số 35 đường 2/4,
TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Tel: (58) 3 562 789 - **Fax:** (58) 3 829 379
Email: bic.kh@bidv.com.vn

14| BIC BẮC TÂY NGUYÊN
01 Nguyễn Văn Trỗi, TP. Pleiku, Gia lai
Tel: (059) 3 224 1041 - **Fax:** (059) 3 720 039
Email: bic.btn@bidv.com.vn

15| BIC TÂY NGUYÊN
41 Nguyễn Tất Thành,
TP. Buôn Ma Thuột, Đắc Lắc
Tel: (59) 3 720 224 - **Fax:** (59) 3 957 350
Email: bic.tn@bidv.com.vn

16| BIC MIỀN ĐÔNG
Số 28 đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa,
TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (061) 882 3111 - **Fax:** (061) 8823 112
Email: bic.dongnai@bidv.com.vn

17| BIC BÌNH DƯƠNG
Số 37 Yersin, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương
Tel: (0650) 3 848 509 - **Fax:** (0650) 3 848 508
Email: bic.binhduong@bidv.com.vn

18| BIC HỒ CHÍ MINH
Tầng 2-3, số 108-110 Nguyễn Văn Trỗi, P.8,
Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 3 997 3999 - **Fax:** (08) 3 997 4000
Email: bic.hcm@bidv.com.vn

19| BIC VŨNG TÀU
72 A Trần Hưng Đạo, TP. Vũng Tàu
Tel: (064) 6 253 218 - **Fax:** (064) 6 253 168
Email: bic.vt@bidv.com.vn

20| BIC MIỀN TÂY
29-31 Châu Văn Liêm, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3 816 367 - **Fax:** (0710) 3 816 368
Email: bic.ct@bidv.com.vn

21| BIC SÀI GÒN
Tầng 8, tòa nhà 427 Nguyễn Thị Minh Khai,
Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 38 303 000 - **Fax:** (08) 38 302 000
Email: bic.sg@bidv.com.vn

CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO VIỆT
Trụ sở chính: 3th Floor LVB Tower, No.44 Lanexang Avenue,
Hatsady Village, Chanthabouly District, Vientiane Capital, Laos PDR
Tel: (856-21) 264 972-5 | Fax: (856-21) 264 971 or 021 285 388
Email: lvi@laovietinsuarance.com | Website: laovietinsuarance.com

CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM CAMBODIA - VIỆT NAM
Trụ sở chính: No.99, Norodom Blvd, Sangkat Boeung Raing,
Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
Tel: (855) 23 212 000 | Fax: (855) 23 215 505
Email: info@cvi.com.kh | Website: .cvi.com.kh

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV
Trụ sở chính: Tầng 16 Tháp A, Tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội.
ĐT: 04 2220 0282 - Fax: 04 2220 0281 - Email: bic@bidv.com.vn
Hotline: 1800 9456 - Website: www.bic.vn | www.baohiemtructuyen.com.vn